

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

ĐẠI ĐẠO TRUY NGUYÊN
PHU THÊ YẾU LUẬN

Nhà In Võ Văn Vân
Xuất Bản - 1953

In Lại Theo Ấn Bản
Sưu Tập từ Thư Viện của
HH Phổ An

HUỆ CHƯƠNG

Đánh máy lại: **Phổ An**
Trình bày: **Hồng Lan & Tấn Hưng**
Xếp chữ: **H&L TypeSetter**
Đóng tập: **H&L eBooker**
Làm tại: **Chicago - U.S.A.**

Copyright © 2010 — Huệ Chương

ĐẠI ĐẠO TRUY NGUYÊN
PHU THÊ YẾU LUẬN
của Huệ Chương
Cốt Chỉ của Quyển Sách này
nhằm Trục Luận về Đại Đạo Tam Kỳ

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Từ Bi - Bác Ái - Công Bình

LỜI TỰA

Tuy bề học thức của tôi vẫn còn hẹp-hòi, song hằng để tâm xem-xét trong điều hư-thiệt của đời, lại hằng thấy nhiều bậc văn-chương, thường muốn kích-bác một việc chi trong xã-hội, lại chẳng để lòng tìm biết cho tột lý; nên hễ luận đến thì không rõ ngọn nguồn. Thành ra, vì ghét lẫn một vài người trong đấy, mà làm chình lòng cả công chúng; mà cũng làm hư danh của mình trong buổi kết cuộc. Nếu việc của người thành tựu sâu xa, chừng ấy dầu có ăn-năn cũng đã muộn: Té ra, cái tư-tưởng chẳng hay của mình, luống để cho đoàn hậu-tấn luận biện đời đời kiếp kiếp.

Cũng như xưa kia, Đức Chúa Jésus-Christ giảng-sanh khai Thánh-Giáo; cả dân sự miền Âu bởi chẳng hiểu là điều yếu trọng về sau, cho đến nỗi một vị trong 12 Môn-đệ của Ngài là Juda, vì lòng tham-lam, đành bán Ngài cho quân Jiu-Giêu đem ra hạ-sát. Khi hối-ngộ, biết rằng sự lỗi, Juda tự xử lấy mình nhưng chưa đủ đền tội. Đến buổi chung cuộc thiên-hạ rõ thấu rằng Đạo chơn-chánh rồi, thì trong lòng hằng ghi nhớ Juda là kẻ bất lương; cho đến ngày nay đã gần hai ngàn năm, mà danh xấu vẫn còn lưu-truyền, hễ nhắc đến tên, thì người người phải nhăn mặt.

Lại buổi nọ, Đức Khổng-Phu-Tử, là một vị xuất Thánh miền Á-Đông, truyền bá Nho-Giáo, nhưng rủi gặp lối chưa phục đặng lòng của sanh-linh, làm cho Ngài chịu nhiều nơi khổ-tân; đến đâu cũng bị

nhà Vua xô đuổi: Cả mấy nước Lỗ, Vệ, Trần tuyệt lương Ngài. Rốt việc rồi, dân-sanh thức giác, biết đặng Tôn-chỉ Đạo của Ngài là cao thượng, thì Ngài cũng được hoan-nghinh. Bởi có mà ngày nay, hễ nhắc đến Ngài, thì thoát nhớ lại mấy nước xưa không biết dụng hiền. Cái danh bất luật lại roi truyền chẳng dứt. Đó là hai sự tích, vẫn còn để treo gương cho các nhà văn-sĩ đời nay, soi lấy mà tự xét phận mình.

Ấy là việc xưa, còn hiện nay, có mấy cuốn sách tôi mới đọc rồi đây, thấy người đem một nền Đạo của nhà Nam, đã từ bốn ngàn năm nay mới hầu gặp đặng, mà luận việc tà chánh; nhưng không hiểu sao là tà, sao là chánh, thì điều sơ-sốt ấy, nói chẳng cùng.

Vì vậy mà tôi để hết lòng nghiên-cứu, may thấu đặng chút ít căn-cội của Đại-Đạo Tam-Kỳ; nên đem nêu lên quyển sách này, hầu hiến cho chư quý-vị độc giả tường lãm, rồi mặc tình luận-biện: chớ tôi vốn là người chẳng can dự với Tôn-giáo nào, nhưng vẫn biết thấy đều chơn-chánh. Nếu có việc chi làm-lạc: ấy là xuất ư tâm chí riêng của một ít người tham danh, chác lợi đã gây ra, chớ Tôn-chỉ của Đạo nào cũng đều dạy những sự hiền-lành ngay thật cả.

Saigon, le 15 Septembre 1929

HUỆ CHƯƠNG

ĐẠI ĐẠO TRUY NGUYÊN

Tôi vẫn sanh trưởng nơi tỉnh thành Bến-Tre, biệt-danh là Huệ-Chương, theo ông thân tôi, vốn người giúp việc hãng buôn, chuyên nghề rèn tập theo lối văn-chương Âu, từ ấu chí trưởng.

Cả bạn tác, học một trường với tôi, thì tôi duy có gần-gũi M. Đức, vốn con nhà Cao-Quỳnh, lại là người có tâm chí rất hợp với tôi.

Từ buổi ra trường đến nay, tuy mỗi đứa vì ràng buộc theo phận sự gia-đình riêng, song cũng hằng tới lui thăm viếng, và lo-lắng cho nhau, chẳng khác tình ruột thịt.

Một ngày kia, tôi vẫn nghe thiên-hạ kích-bác về Đại-Đạo Tam-Kỳ, lại có tên ông thân, và chú ruột của anh, thì tôi lấy làm chùng hứng. Tuy là tôi hay đến nhà chơi với anh, thường cũng hay thấy mấy ông lớn hiệp nhau bàn luận việc Đạo; nhưng vì tánh tôi còn ham chơi, nên không hề để ý đến. Nay nghe vậy, tôi lật-đật đến hỏi thăm anh cho rõ.

Vừa gặp nhau, tôi chưaặng cạ hỏi, thì anh đã vỗ vai tôi mà nói rằng: "Hỡi nào mà anh nghe thiên-hạ! Họ có hiểu cái nguồn-cội của Đại-Đạo là nơi nào mà ra đâu; bị họ luống tưởng mấy ông bày ra, mà gạt chúng. Anh nghĩ coi, như có gạt-gâm, thì năm ba chục người, cũng còn có thể nói đến chuyện làm-lạc, lẽ đâu trót triệu nhân-sanh như vậy, lại trong số triệu ấy, cũng hiếm người phẩm-vị cao, trí-thức nhiều mà cũng mắc kế mấy ông nữa sao!"

Để tôi thuật sơ đầu đuôi gốc ngọn lại cho anh nghe, rồi cứ suy nghĩ riêng lấy mà kiếm hiểu.

Anh em mình vẫn ý-kiến tương đồng, kết bạn với nhau trót mười năm, tình như máu thịt, thường hay bàn luận; khi thì về học-thức, mà cũng có lối; nói đến tình đời, cho đến việc nhà của nhau, cũng đều thấu hết.

Anh dư biết tánh tình của tôi; tuy hay vui chơi, theo cuộc hí-trường, song cũng hằng để ý, kiếm cho hiểu biết luân-thường Đạo-lý. Tôi dòm quanh theo cô bác lối xóm-giềng, hằng thấy mỗi nhà đều chưng dọn bàn thờ; việc đẹp chẳng, là tùy gia vô hữu, nhưng cũng có lập ra luôn, hoặc thờ ông bà, hay là cha mẹ. Về nhà, thấy ông thân tôi chẳng hề để ý đến đó, tôi hỏi ông, ông trả lời rằng:

"Thầy nay tuổi đã bốn mươi ngoài, cũng hằng tìm tòi cho biết những điều ấy, nhưng chưa hề thấy việc nào là ắt. Nếu sự chi mà thầy chưa rõ thấu, thì thà là đừng làm, còn hay hơn là bắt chước người mà không hiểu chi cả.

Thầy duy tưởng rằng, có một Đấng Tạo-Hóa Càn-Khôn, nhưng chẳng hề thấy hình ảnh dạng, thì cung kính Ngài mà thôi. Còn những việc theo thế tình hoặc thờ cha kính mẹ, thì nơi lòng, dầu cho mất còn cũng vậy. Mỗi khi cúng cơm cho ông bà, là buộc ý thầy, làm theo cổ lệ, nếu không ngờ, lại buồn lòng. Còn bày biện bàn thờ như người, thì thầy nghĩ ra, một việc làm không ắt, thế cũng không tổn phí mà chi; miễn bốn phận người, làm sao cho khỏi trái lương tâm mình, là hơn hết".

Nghe ông thân tôi nói vậy, thì đã biết ông

không tín-ngưỡng chi hết, nhưng ông cũng hằng giữ phận làm người, thì đã đành. Tôi lại các-cớ hỏi chú ruột tôi là ông Cao-Quỳnh-Cư, té ra hai ông như một. Thậm chí, đến đổi tôi tức mình hỏi cô bác, những nhà có thờ phượng, thì không một ai, trả lời nào, cho vừa lỗ tai tôi cả.

Một ngày kia, lối hạ tuần tháng Juillet 1925, nhằm đêm thứ sáu, tôi thấy nào là chú tư tôi, chú tám tôi, là M. Phạm-Công-Tắc, anh con nhà bác họ của tôi là M. Cao-Hoài-Sang, và vài người bạn nữa, đến mời ông thân tôi đi chơi. Tôi hỏi M. Sang cho biết mấy ông đi đâu, thì anh lại nói với tôi rằng:

- Đi sai bàn.
- Sai bàn là chi?
- Là cầu các Linh-hồn, về nói chuyện chơi.

Nghe anh nói vậy, tôi lấy làm lạ, liền nom theo mấy ông, đặng coi làm thế nào cho biết. Đoạn mấy ông đều kêu xe kéo, vô nhà anh Cao-Hoài-Sang; rồi vầy nhau ngồi xung quanh một cái bàn tròn ba chum, để nơi trước hàng ba, lại có chưng bình bông tươi tốt và đốt nhang, sắp đặt trên một cái bàn nhỏ, để dựa vách kế đó.

Tôi cũng ngồi kè bên ông thân tôi, chừng mấy ông biểu: "Lẳng-lặng định thần" thì mỗi người đều để hai tay úp lên mặt bàn, tôi cứ việc làm theo.

Giây lâu, tôi thấy bàn nghiêng qua bên chú tư tôi, chú lại rầy chú tám Tắc, mà biểu đừng xô, cứ ngồi cho tịnh. Bàn lại ngã qua phía ông thân tôi, ông lại rầy nữa! Cách một chập, coi bộ mấy ông mỏi tay, nên thầy đều tan ra nghĩ hết.

Tôi có ý coi, trong mấy ông chưa ai thạo việc

ấy cả, vì thấy cãi lầy nhau hoài; kẻ nói vầy người luận khác, phân phân bất nhất.

Khi ấy, anh Cao-Hoài-Sang nói với mấy ông rằng: "Mình cứ tịnh tâm, ngồi yên điềm, chừng nào có vong nhập, thì chắc là họ gõ chơn bàn, nghe các các chớ gì". Nghe đến đó, tôi có hơi dùn mình, vì tánh tôi nhất.

Đến khi vầy nhau lại nữa, chú tư tôi ngồi xếp bằng trên ghế, tỏ ý rằng sợ hồn ma vào gõ bàn, mà đưng cẳng, nên cả thầy đều rút chơn lên, kẻ chồm hồm, người xếp bằng, té ra mấy ông cũng không dạn gì cho mấy!

Lúc ấy đã khuya, coi ông nào cũng mệt, phần thì muỗi chích chơn, hễ thò tay xuống gối, thì lại động, làm cho cái bàn không yên tịnh, lớp lại buồn ngủ. Chú tư tôi lại suy nghĩ, rồi luận rằng: "Thế khi chúng ta để trong nhà, nên các hồn ma không dám vào. Vậy khiêng bàn ra ngoài Trời trống trải, họa may họ mới nhập đặng". Đoạn mấy ông hè-huội áp nhau khiêng bàn ra sân. Ngồi một hồi lâu, bàn cũng cứ dờ lên để xuống, làm cho mấy ông rầy nhau, rồi cười hoài. Gặp lúc khuya, trời tối, muỗi lại cắn hơn nữa! Mấy ông chịu đả hết nổi, mới đành dẹp nghĩ, nhưng hẹn tối mai, sẽ hiệp nhau, làm cho hết ý. Ai nấy đều vui chịu, liền từ giã nhau ra về.

Qua đến mai, gặp nhằm thứ bảy, lối chín giờ, thầy đều tựu đến đủ mặt, cũng sửa soạn như bữa trước, rồi vầy nhau lại ngồi chung quanh, để tay úp trên mặt bàn. Nhưng nay, chú tư tôi lại dạn, phải sè bàn tay ra, hai ngón tay cái của mỗi người đều đầu đầu lại rồi ngón tay út, của người khác, làm cho có

thế, các bàn tay liền nhau tròn cái vòng bàn. Mấy ông nghe theo. Tịnh một chập, bàn dờ lên cao, ngã vào góc tường. Rủi cho chú tám tôi ngồi phía trong kẹt, làm cho chú tưởng rằng anh Cao-Hoài-Sang, đương ngồi ngang mặt, cố ý muốn cợt chơi, nên chú la um-sùm rằng:

- Sang! Sang! Đừng phá mây, chơi giống gì kỳ quá, mắc kẹt tao sao mây! Ráng ngồi tử-tế coi mà!

Ai nấy thấy vậy, đều cười rộ lên, mặt bàn nghiêng lại như cũ. Chú tư tôi liền năn-nỉ với mấy ông, xin đừng giỡn, để ý ráng làm cho tận-tâm coi thế nào cho biết. Khi nghe chú tư tôi nói dứt lời, thì thấy đều ngồi lảng-lặng. Chú tư tôi thường hay có tánh giả ngộ, hễ nghe bàn cục-kịch, lại tròn mắt, ngó mấy ông kia. Tôi dòm thấy, ai ai cũng sợ cả, lại áp nhau cười rộ lên nữa! Làm như vậy, đã trót vài giờ, mà bàn cũng cứ dờ lên để xuống mãi; mà hễ thấy vậy, thì mấy ông lại rầy nhau, tưởng rằng tại người xô mà thôi.

Chùng tịnh lần này, cả thầy ngồi im điềm; thoạt nhiên, bàn dờ lên gõ lia gõ lịa. Mấy ông cũng cho là nội bọn phá, bèn hỏi thăm nhau. Ai nấy đều tỏ rằng, cả thầy đều để thật lòng mà thử cho hết sức, nên không xô đẩy chi; ấy là bàn điều-động tự nhiên. Khi đó, người thì nói tê tay, kẻ lại nghe rần điềm. Trong con mắt mấy ông hỏi nhau, bàn dứt gõ, nhưng cũng còn linh-chinh, dường như có sự sống vậy. Chùng nghi rằng có vong nhập, thầy đều kinh tâm; mấy ông lui-đội, không biết phương chi mà thông-đồng với vong đặng.

Chú tư tôi liền dặn mấy ông để như cũ, đừng ai lấy tay ra khỏi bàn, mà làm xao động, e vì vong

xuất ngoại. Dứt lời, chú tư tôi lại nói với vong rằng:

- Xin khoan đi, để cho hỏi ít lời... Bây giờ chưa kiếm đặng thế nào cho hiểu nhau, thì duy cứ gõ hai, nghĩa là: Ủ chịu, có hoặc phải (Oui). Còn gõ một là: Không, hay là chẳng phải (Non).

Vong tiếp gõ hai: Tỏ rằng chịu theo lời dặn.

Đoạn chú tư tôi liền ngụ ý, rồi nói với vong như vậy: Ta hiểu theo đây, thì có thể nói chuyện với nhau tiện hơn. Nếu tôi hỏi chi, muốn trả lời lại, cứ tùy theo vần Alphabet quốc-ngữ mà gõ, mỗi chữ mỗi gõ, đến chữ nào dùng thì ngưng lại, nghĩa là lấy chữ chót; rồi bắt đầu trở lại mà nói chữ khác, xong rồi sẽ ráp lại mà đọc, giống như điệu dây thép vậy.

Vong liền gõ hai (Ủ chịu).

Hiểu nhau rồi, bàn gõ, chú tư tôi khởi đọc. Nhưng sự chi cũng vậy, lúc đầu sao cũng lộn-xộn năm bảy phen, đọc cho đến hết hai mươi mấy chữ vần, mà cũng còn gõ mãi. Tức mình, chú tư tôi cắt nghĩa lại một lần nữa. Thật lấy làm tội nghiệp cho vong quá, lại cũng thương cho mấy ông, vì muốn thấu đáo, nên ráng chịu khó đến cùng. May sao, lối mồn hơi rồi, chú tư tôi đọc từ a, ă, â, b, c, d, đ..... tới chữ L thì dứt gõ. Chú tư tôi dặn M. Cao-Hoài-Sang nhớ chữ ấy, đủ rồi sẽ chép lại. Đoạn bàn tiếp gõ quận thứ nhì. Chú tư tôi đọc a, ă, â, b, c, d, đ..... cho đến chữ Ủ, bàn ngưng lại rồi cũng cứ nói điệu theo như trước, cho đến khi ráp đặng ba chữ: "Lượng-Cao-Quỳnh".

Khi tiếp đặng mấy chữ ấy rồi, thì mấy ông hơn-hở vui cười. Dứt tiếng, chú tư tôi suy nghĩ rồi nói rằng: "Như phải là Cao-Quỳnh-Lượng, thì chắc biết

mấy người ngồi đây; vậy cứ nói tên mỗi người coi có trúng chăng?"

Vừa dứt lời bàn gỗ, chùng rập nguyên chữ thì thành ra tên: Diêu, Cư, Tắc, Sang, Đức, Thân, Nguyên, thầy đều rộ cười lên, còn cái bàn thì hổng lên một chun, lắc qua, lắc lại, dường như cũng cười theo vậy.

Khi ấy, ông thân tôi tiếp hỏi Lượng rằng:

- Con có ở hầu ông Nội chăng?

- Có.

- Mời ông Nội đến đây, tiện không?

- Đặng.

Dứt lời, thì bàn dờ lên rồi để xuống, không còn diêu-động như khi nãy nữa. Chú tám tôi nói rằng: "Bộ khi nó đi rồi". Nghe vậy, mấy ông đều dang ra nghỉ hết. Chùng ấy, tôi có ý coi thì thấy ông nào ông nấy, cũng lấy làm lạ, mà nhứt là ông thân tôi, với chú tư tôi. Vì tự ấu chí trưởng, hai người không tin chi hết, cho kiếp chết là mất rồi, chẳng tin là có hồn. Nay lại thấy diêu lạ kỳ như vậy, thì hai ông ngồi nhìn nhau, tình hình như trời đã hé cửa cho mấy ông dòm, thấy đặng sự bí-mật vậy.

Cách nửa giờ, vầy nhau ngồi, để tay lên, cũng tịnh như trước; kỳ này mấy ông có màu kiêng dè, không dám cười giỡn nữa! Đoạn bàn gỗ. Chú tư tôi tiếp đặng chữ, rập lại như vậy: "Cao-Quyên-Tuân".

Ấy là tên của ông Nội tôi, cả thầy đều đứng dậy xá, rồi ngồi xuống. Ông thân tôi hỏi sơ ít điều đã qua rồi, kể chú tư tôi tiếp nói rằng: "Vì buổi thầy quá vắng, anh em con vẫn còn nhỏ dại, cho đến đổi anh

của con đã trọng, còn không nhớ dạng hình ảnh của thầy, huống chi là con còn nhỏ quá, duy buổi lớn khôn, nghe người truyền ngôn lại cái hạnh đức của thầy mà thôi. Nếu có thể tiện, xin thầy dùng dịp này, cho anh em con một bài thi tự thuật, hầu để roi truyền ngày sau, cho con cháu làm kỷ niệm". Ông nội tôi chịu cho, liền tiếp đánh ra bài thơ như vầy:

Ly trần tuổi đã quá năm mươi,

Mi mới vừa nên ước đặng mười.

Tổng mến lời khuyên bền mộ chép,

Tình thương câu dặn gần tâm đời.

Bên màn đời lúc trêu hồn phách,

Cõi thọ nhiều phen đặng thành thai.

Xót nỗi vợ hiền còn lụy cụm,

Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.

Khi làm đến câu chuyện, thì cả thầy đều nao lòng, rung rung nước mắt; chùng qua câu kết, thì ông thân tôi, chú tư tôi, và chú tám Tắc, vùng khóc lớn lên một lượt; còn mấy ông kia với anh Cao-Hoài-Sang thấy vậy cũng mũi lòng khóc theo. Lúc đó, đâu cũng hai giờ khuya, lối xóm nghe khóc rùm lên, vài nhà lân cận đến dòm, thấy việc kỳ quái quá, thì họ đứng coi một hồi, nhưng không hiểu chi, họ đều lui về nhà ngủ hết.

Dứt bài rồi, thì ông nội tôi tiếp mấy chữ: "Thầy xin kiếu", đoạn bàn dờ lên cao, rồi để xuống nhẹ hều, không còn hơi động địa như khi trước nữa. Mấy ông nói: "Đi rồi, đi rồi". Khi ấy mấy ông xúm nhau đem vô đèn, chép mỗi người một bài, coi đi đọc lại rồi trầm-trồ khen mãi. Thấy vậy, tôi cũng để chút lòng tin, song chưa hiểu rõ cái huyền-bí ấy là thế nào.

Còn ông thân tôi, chú tư tôi cùng mấy ổng vầy nhau, bàn luận truy kiếm cho biết vì đâu mà hóa ra chuyện lạ ấy. Tôi có ý coi, ông nào cũng ngỡ-ngờ, ngáo-ngáo, chớ tìm không ra mối.

Ai nấy đều lui về nghỉ, duy có ông thân tôi chẳng chịu về nhà. Ổng theo chú tư tôi, mà thức luôn trót đêm, cứ đọc đi đọc lại bài thi ấy lại hoài, rồi bàn luận luận, suốt luôn cả ngày chúa nhật nữa! Ngồi đâu cũng nói có bao nhiêu đó mà thôi. Thậm chí cho đến buổi cơm mà ổng cũng ở luôn, mà dùng với chú tư tôi. Hai ông ngồi phân phân với nhau, cho đến mệt lũ, rồi nằm dài trên ván, mà cũng còn nói nói. Riết cho đến khi ngủ mòm, hồi nào tôi không hay, chùng ngó lại, thấy đồng hồ gần bốn giờ xế chiều, tôi mới về nhà mà nghỉ.

Lật bật, kể bảy giờ tối, ông thân tôi về kêu tôi dậy, hối dọn cơm ăn, đặng hiệp nhau, đi vô anh Cao-Hoài-Sang nữa. Lần hồi, kể trước người sau, lối chín giờ rưỡi, thấy đều đủ mặt; rồi thì cũng vầy nhau lại xung quanh cái bàn, đốt nhang lên. Đêm nay coi mờ mờ mấy ổng sửa soạn đoan trang hơn bữa trước lắm.

Tôi cũng bước lại, ngồi kề bên ông thân tôi. Cách chẳng bao lâu, bàn dờ lên đánh chữ, rập vằn lại như vầy: "Thác vì tình". Nghe đến đó, thấy đều rờn ốc. Chú tư tôi bèn hỏi vong ấy tên chi? Đàn ông hay đàn bà? Trả lời rằng: "Đoàn-Ngọc-Quế, con gái".

Tên họ đều trùng, mà chữ lót cũng giống tên họ của một người bạn thiết với ông thân tôi, đương ngồi kề bên chú tám Tắc đó. Mấy ổng đều ngó M. Quế cười rộ lên. Đoạn chú tư tôi nói với vong ấy, xin một bài thi tự thuật.

Vong chịu, liền khởi đánh ra như vầy:

*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai,
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.
Những ngõ trao duyên vào ngọc các,
Nào dè phải nợ xuống tuyền đài.
Dường sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trước mai.
Đồn-dập tương-tư oằn một gánh,
Nỗi-niềm tâm-sự tỏ cùng ai.*

Ký tên: Đoàn-Ngọc-Quế

Xong bài thi rồi thì mấy ổng trầm trồ, người cho rằng, câu văn thanh tao; kẻ nói trạng luận đối rất chỉnh. Nhưng vì nghỉ cho nạng ấy đối tên, nên chú tư tôi để lời mời nạng, nạng đến chuyện văn chơi cho thường, hầu hỏi cho biết rõ căn cội, nạng khứng chịu. Từ ấy, mỗi đêm đều qui tụ nơi nhà anh Cao-Hoài-Sang. Trót tuần lễ, khi thì ông thân của anh Cao-Hoài-Sang về, lúc thì chú ách Đồng, là anh ruột của chú tám tôi, về mà chuyện văn. Mấy ổng hỏi nhiều việc đã qua rồi, các vong cũng đều trả lời trúng hết, nhưng tôi coi ý mấy ổng chưa có lòng tin cho lắm. Cả thấy đều cho là một việc chơi cho tiêu-khiển, nên mỗi đêm mấy ổng đều có tụ nhau, vui chơi bao nhiêu đó thôi. Lâu ngày, vì thức quá mà mồn lần hồi, rốt lại còn có sáu người là: ông thân tôi, chú tư Tư, chú tám Tắc, anh Cao-Hoài-Sang, Nguyễn-Tải-Thân và tôi mà thôi.

Một buổi tối thứ bảy kia, nhằm tối thượng tuần tháng Aout 1925, ba ông hiệp nhau chơi, còn ông thân tôi, vì mắc việc nên vắng mặt; còn tôi với em tôi, thì cứ theo chú tư tôi. Bữa ấy, có cô Đoàn-Ngọc-Quế

về bàn, đàm luận một hồi, rồi ba ông xin kết anh em với cô. Cô bằng lòng, bèn kính:

Chú tư tôi là Trường-ca,

Chú tám Tắc Nhị-ca.

Anh Cao-Hoài-Sang, Tam-ca,

Phân cô, thì Tứ-muội.

Còn hai anh em tôi, cô kêu bằng em cả. Đoạn cùng nhau trò chuyện. Lần hồi, chú tư tôi vì nghi cô trá tên, nên năn-nỉ hỏi cô cho đến cùng. Cô liệu khó giấu, nên tỏ thiệt là: V.T.L.

Chú tôi hỏi thăm mồ mả, cô cũng chỉ rõ. Rạng ngày, ba ông dẫn nhau đi tìm đặng nhà mồ của cô, rất nên đẹp đẽ, gần nơi Phú-Thọ, rõ ràng có tên tuổi cô, đề trên mộ bia. Khi kiếm được rồi, mấy ông mừng rỡ chẳng xiết, bèn đứng trước mộ, khẩn vái với cô, xin theo về nhà ông thân tôi nói chuyện chơi, có ý thử coi ban ngày, chư vong có thể nhập bàn đặng chăng?

Khi ba vị về đến nhà lối 9 giờ ban mai, thuật chuyện tìm đặng mả của cô lại cho ông thân tôi hay, đoạn đem bàn ra mà cầu cô. Thật quả, có cô đến đàm luận, rồi nhìn cái mộ mà ba ông đã đến viếng, là nơi xác của cô an nghỉ đời-đời kiếp-kiếp.

Kể từ mấy ông hiểu đặng chút ít trong việc màu nhiệm của Trời Đất, lại có thể cầu chư vong trong buổi bạch nhật, thì mấy ông càng hứng chí hơn nữa. Ngày đêm không kể đến sự mệt nhọc, ông thân tôi, thì hiệp với anh Cao-Hoài-Sang, nơi nhà tôi mà chuyện vãn với chư vong, còn chú tám với chú tư tôi, thì vầy nhau nơi nhà chú tôi, cũng trong một con đường Bourdais, hai cái nhà ở ngang, trịch nhau

chừng vài căn phố.

Từ ấy mấy ông đã chia nhau hai bên, hằng ngày hằng đêm kiếm tìm về việc huyền-bí, mà học hỏi với nhiều vị khuất mặt. Cách ít lâu, có hai vị Tiên-Trưởng đến làm thi văn, bên chú tư tôi thì ông Thanh-Son, còn bên ông thân tôi, lại có ông Nhân-Âm Đạo, cả hai nhà đều đặng mỗi bên, mười bài thi (Thập-thủ-liên-hườn) khác nhau.

Một đêm kia, nhằm lúc bốn ông hiệp lại, lập bàn hương-án, khẩn cầu Đức Tả-Quân. Người đã có lòng thành, nên Ngài cũng giáng vào, đề một bài thi, nhưng lâu ngày tôi đã quên phứt.

Lại có đêm nọ, mấy ông vầy lại, vừa ngồi vào bàn, thì có cô V.T.L. đến giáng, cô lại trình diện một người chị em theo với cô, xin vào ra mắt mấy ông. Cô nói rằng, vị này thi-phú cũng hay lắm! Mấy ông mừng rỡ, bèn mời tân khách giáng vào.

Đoạn người ấy tiếp vô xưng rằng:

- Em là Hồn-Liên-Bạch, xin hiến một bài thi, ra mắt mấy anh, song xin mấy anh chớ nệ chi về văn chương hay dở.

Anh Cao-Hoài-Sang liền tiếp rằng:

- Tôi vừa nghe cô Vương nói rằng, thi văn của cô rất hay, vậy tôi xin ra đề. (Y M. Cao-Hoài-Sang chưa tin cho mấy, e vì mấy ông kia bịa đặt mà giả mạo gạ ảnh.)

Cô liền khứng chịu, anh Cao-Hoài-Sang ngồi suy nghĩ rồi ra đề: "Tiên biệt tình lang".

Cô tiếp đỡ bàn gõ, không ngừng chút nào cả. Mấy ông ráp lại bài thi như vậy:

Chia gương căn dặn buổi trường-đình,

Vàng đá trăm năm tạc tấm tình.
 Bước rẽ ngùi trông cơn ác xế,
 Lời trao buồn nhớ lối trăng thình.
 Ngày chờ mây áng ngàn dâu khuất,
 Đêm bật đèn khuya một bóng nhìn.
 Lần lựa cô phòng xuân thôn-mỏn,
 Xa xui ai thấu nỗi đình-ninh.

Dứt bài thi, mấy ổng rộ lên khen cô rằng:
 "Văn thiệt là quán thế!"

Lại xin cô tiếp một bài nữa, lấy đề "Hoài-
 Lang" mà làm. Cô chẳng suy nghĩ chi, cứ đề một bài
 rằng:

Động-đình nhớ buổi tạm chia đường,
 Bốn giọt nhìn nhau lối rẽ cương.
 Trời thăm mây giăng muôn cụm ủ,
 Biển sâu nước nhuộm một màu thương.
 Cờ thần chạnh lúc vầy đôi bạn,
 Tiệc ngọc nào khi hội nhứt trường.
 Mượn vận lương-nhân xin nhấn-nhủ,
 Vườn xưa tiếng nhận luống kêu sương.

Thật là tuyệt bút! Mấy ổng khen ngợi chẳng
 cùng, nhờ nơi đây mà phục đặng lòng tín-ngưỡng của
 mấy ổng chút ít nữa.

Khi khác mấy ổng lại kiếm nhớ những bạn
 tác nào, lúc còn sanh tiền, biết làm thi mà mời về,
 đặng thử nữa! Đoạn nhớ đến M. Huỳnh-Thiên-Kiều,
 là người buổi sống giúp việc sở tuần thành, bỏ vào
 dinh Đốc-ly Sài-gòn, coi về sở Patentes biết, khi ở thế
 có nhập vào Hội-Thi-Xã. Mấy ổng bèn vái tên họ của
 M. Huỳnh-Thiên-Kiều. Trong giây lát, nhập vào bàn
 đề thi rằng:

Nhấn-nhủ mấy anh một ít lời,
 Làng mây hòn trẻ đã xa chơi.
 Mẹ già nổi hiếu chưa rời đạo,
 Vợ yếu niềm duyên chẳng trọn đời.
 Chạnh nhớ quê xưa lòng xót-xáy,
 Buồn trông cảnh cũ dạ bồi-bồi.
 Ai về gởi lại tình sông núi,
 Kiếp khác ân sinh sẽ đáp bồi.

Huỳnh-Thiên-Kiều tự Quí-Cao

Ngày kể đó, cũng vì M. Nguyễn-Trung-Hậu,
 nguyên là một người bạn trong Thi-Xã-Hội với M.
 Huỳnh-Thiên-Kiều vì thấy bài thi bữa trước, cũng có
 ý không tin, nên ngày sau M. Hậu làm một bài đem
 đến. Khi đem bài thi đến, vái rồi đốt, đoạn mấy ổng
 vầy nhau lại ngồi, cầu M. Huỳnh-Thiên-Kiều. Trong
 giây lát, M. Huỳnh-Thiên-Kiều vào tiếp họa bài thi
 như vầy:

Một tiếng u-minh giống cửa không,
 Phồn hoa vụt tỉnh giấc đường nông.
 Ngồi thuyền Bát-nhã qua tình biển,
 Mượn nước hành-dương rưới lửa lòng.
 Cuộc thế lạnh-lùng lẫn gió lọt,
 Đường đời ngán-ngẫm bụi trần lồng.
 Kiếp tu xưa tiếc chưa nên Đạo,
 Oan trái phải rời phép Phật thông.

Ký tên: Quí-Cao

Gặp lối mấy ổng đương mê thi-văn, lại có
 người tuyệt-bút, đến giáng vào đề một bài:

Vịnh Xuân

Ngàn liễu khoe xuân cảnh rỡ màu,
 Xuân nồng vườn ngự vẻ thanh tao.

Chào xuân ác lố trăm lần rạng,
 Gheo liễu trắng soi một sắc lâu.
 Thơ-thời cảnh hôm, hoa đọng ngọc,
 Êm-đêm dạo tối, cò đeo châu.
 Đượm bầu nhân sự xuân qua lại,
 Khuất bóng xuân sang khách luống sâu.

Hón-Liên-Bạch kính hiến.

Hàng đêm, hàng có chư-vị đến, mấy ổng thử cũng hết sách, mà cũng nhờ vậy, mới phục đặng lòng của mỗi người. Như có một buổi, anh Cao-Hoài-Sang buồn, đề một bài thi Tự-thuật, có ý than thân trách phận, sao lẫn-lóc với tình đời, tuy tuổi chưa bao nhiêu mà đã mòn-mỏi. Anh đem ra nhà cho ông thân tôi coi, và cũng muốn để cho mấy ổng họa lại chơi cho vui. Nói chuyện với nhau rồi lẫn-quần cũng câu chư-vị nữa! Vào ngồi trong năm phút đồng hồ, thì có ông thân của anh, là bác Cao-Hoàng-Ân giáng đến. Thuở bác còn sanh tiền, làm việc Tòa-Án, lại cũng có đối đi vùng miệt Tây-ninh, Bạc-liêu, và nhiều chỗ khác nữa. Rốt sau, lại về ở Sài-gòn rồi mới quá vãng, tôi tưởng nhiều người biết bác lắm. Khi ấy, chú tư tôi thưa với bác rằng: Sẵn dịp anh về đây, nhằm lúc Sang làm một bài thi tự-thán, cậy mấy anh em tôi họa, vậy anh họa chơi luôn thể. Ông thân tôi lại nói, anh cứ việc đề thi, dạy nói thế nào, thì anh định lấy, nhưng tùy theo vận của Từ-Thứ, mà lâu nay làng thi chịu phục là: Voi, mòi, còi, roi, thoi mà làm. Dứt lời, bác Cao-Hoàng-Ân tiếp liền, chẳng đợi phút nào cả. Bài thi như vậy:

Thuyền khơi gió ngược khá nương voi,
 Vận thời hầu nên đã thấy mòi.
 Vườn cúc hôm nay muôn cụm rở,

Rừng tòng buổi trước một cây còi.
 Hồng nương dặm gió chi sồn cánh,
 Ngựa ruổi đường hê há nhọc roi.
 Nín nằm chờ qua cơn bĩ cực,
 Thìn lòng chùng có lượng đôi thoi.

Vừa tiếp bài thi ấy, mấy ổng trăm trò chưa hết, kế gặp vị Đại-Tiên này, giáng đề một bài:

Chiêu tập hồn thi bước Đạo điều,
 Non xưa chớp cánh nhận trông theo.
 Trời thanh khách gắng lân qua suối,
 Đêm rạng trăng soi lướt khỏi đèo.
 Mây khỏa đánh Tần màu gió cuốn,
 Thuyền khơi sông Bích cánh buồm treo.
 Giang-san một dãy nền chung dựng,
 Biển cả chi nao ít mái chèo.

Nhàn-Âm-Đạo

Cách ít lâu, có cô Hón-Liên-Bạch dẫn đến một vị xin vào ra mắt mấy ổng. Gặp nhằm tiết thu, nên mấy ổng cậy cô đề một bài:

Bi Thu

Im-lìm cây cỏ vẫn in màu,
 Mờ-mệt vườn đào điểm sắc thu.
 Gió dậy xao Trời mây cuốn ngọc,
 Sương lông ướt đất liễu đeo châu.
 Ngựa vàng ruổi gió thoi đưa sáng,
 Thỏ ngọc trau gương dặm về lâu.
 Non nước đìu-hiu xuân vắng chúa,
 Nhìn hoa cảnh úa giục cơn sâu.

Lục-Nương kính hiến.

Dứt bài, cô lại tiếp một bài điệu Động-Đình như sau:

Đầm ảm cảnh Trời mai ác lố,
 Thơ thối đưa thuyền khổ khách chèo;
 Nhấp-nhô lượn sóng khỏa lèo,
 Luồng đông gió tạt cánh bèo ngưng sông.

oOo

Một chiếc quanh bóng hồng nháng ngọn,
 Mây doanh non tuyết đóng nhành thung;
 Về Nam đổ cánh rừng tòng,
 Ngút xem tủa áng cây đông khóa rèm.

oOo

Đường xúm-xít chị em ruổi bước,
 Dắt-diu nhau kẻ trước người sau;
 Tìm nơi hứng giọt mưa dâu,
 Để cơn khao-khát khoe màu phù dung.

oOo

Đòn nhấn khách năm cung nhật trởi,
 Vệt mây đen gió thổi chiều hôm.
 Quang-âm ngày tháng dập-dồn,
 Ngừa khi trở bước hoàng-hôn trở đường.

oOo

Đường muôn dặm khách đơn thân,
 Mượn bóng trăng lâu bước vẹn chân.
 Khóa kín song thu trau hạnh đức,
 Chờ khi Đạo trọn đến non thân.

oOo

Non thần tiếng hạc châu vang đánh,
 Chờ rước người ngay chánh tìm đường;
 Mơ-màng chưa tỉnh huỳnh-lương,
 Sóng xao biển khổ nên thương khách trần.

Nghe qua bài văn Động-Đình này, mấy ông
 khen tặng chẳng cùng.

Xong mấy bài đó, mấy vị khác tiếp vào, đề
 mấy bài Nho như vậy:

Mỹ-Ngọc! Nghe lão:

Hoành thượng đơn khai chí bách thiên,
 Hựu tu chương hiệp khởi tranh liên.
 Mật đài khánh nhật khinh hành định,
 Cửu tái quang minh đắc cộng niên.

Mật sự khá kiếm hiểu.

Liên-Huê-Tiên

Điều thành tâm khởi đức khai truyền,
 Đạo thức thời âm tận ký niên.
 Thiên mạng lưu hành vô tự đoạt,
 Tôn hồi cảm vị khai huyền nhiên.

Tri thức.

Thăng.

Phổ hóa hoài tâm hạ tác thành,
 Hiền khai trực thượng độ nhơn sanh.
 Bồ-đoàn linh diệu cơ huyền mạng,
 Tác ái diệt tàng cảm đức ninh.

Thăng.

Chư vị có ý muốn dạy mấy ông, nhưng
 không hiểu chi hết, mấy ông vầy nhau lại bàn như
 thầy bói, rồi dẹp lại đó, đợi!

Qua lối thượng tuần tháng tám, chú tư và
 chú tám tôi tiếp đặng mấy lời của cô Vương dạy về
 Diêu-Tri-Cung:

Trên có Cửu-Thiên Nương-Nương cai quản.

Dưới có chín vị Tiên-Cô.

Cô Vương đây đứng về Thất-Nương, cô
 Hớn-Liên-Bạch là Bát-Nương, còn bảy vị khác đều có
 nói tên cả.

Chú tư tôi, nghe đặng lời ấy rất mừng lòng, bèn xin cô chiếu cố đến mấy ông, dạy cách nào cầu lĩnh Kim-Mẫu đến đặng. Khi ấy, Thất-Nương bèn biểu mấy vị phải trai giải ba ngày, và tìm cho đặng Ngọc-Cơ cầu lĩnh Bà mới đặng. Mấy ông không hiểu Ngọc-Cơ là chi, chú tư tôi xin cô chỉ dạy. Cô bèn vẽ hình Ngọc-Cơ, rồi giải nghĩa và dẫn rõ căn cội buổi xưa, lấy hình trạng của ngôi sao Bắc-Đẩu mà tạo thành, lại dạy cách phò Ngọc-Cơ cho mấy ông, và biểu mấy ông đặt mỗi người một bài thi dự bị. Đoạn chú tư, chú tám tôi và anh Cao-Hoài-Sang vưng lời trai giải ba ngày; và tìm mượn đặng Ngọc-Cơ y theo lời dạy.

Qua đến ngày thứ ba là buổi hẹn hò, lại nhằm tiết Trung-Thu, đúng đêm 14, rạng mặt rằm tháng tám. Ngoài trời thì trăng thanh gió mát; trong nhà chú tư tôi lại dọn dẹp trang hoàng, xem vào có vẻ tinh khiết lắm.

Đúng giờ Tý, thấy đèn đủ mặt. Tôi thấy chú tư tôi đã sắp đặt dọn bàn dài, rải bông lá chung quanh, phía trong bàn ngay chính giữa, để một bộ đồ trà, còn chín vị Tiên-Cô mỗi người một cái tách, sắp vòng theo bàn, hàng giữa dọn những trái cây tươi tốt, ngó vào rất lịch, tựa hình như đãi tiệc, vì chung quanh có chín cái ghế mây. Cuộc cúng này mấy ông gọi là: "Phó yến Diêu-Tri", đến ngày nay hầy còn noi dấu lễ kỷ-niệm ấy.

Đoạn chú tư tôi đốt hương đèn lên, cả thầy đều quì lạy khẩn vái, rồi đem Ngọc-Cơ ra mà cầu. Thật quả có lĩnh Cửu-Thiên Nương-Nương đến, và đủ chín vị Tiên-Cô, mỗi vị đều giáng cơ chào mừng

mấy ông. Khi ấy, Thất-Nương xin ba ông đờn, rồi mỗi người ngâm bài thi của mình làm, đặng hiến lễ, còn lĩnh Bà và Cửu Cô an vị mà nghe. Chừng nhập tiệc, Thất-Nương lại mời ba ông ngồi chung vào cho vui. Cũng tội nghiệp cho mấy ông, vì e thất lễ nên không dám. Rốt việc, ép uống quá, mấy ông liệu thế khó chối từ, mới đem ghé thêm, sắp sau lưng chín cái ghế nọ, ba ông xá rồi ngồi xuống.

Tôi dòm thấy mấy ông cũng bắt tức cười, nhưng không dám nhích mép, cứ đứng khoanh tay hầu mà thôi.

Cách chừng nửa giờ, chú tư tôi lại tái cầu. Lĩnh Nương-Nương và chín vị Tiên-Cô để lời cảm tạ chẳng cùng, lại hứa rằng: "Từ đây đã có Ngọc-Cơ rồi, thì tiện cho Diêu-Tri-Cung Cửu Cô đến mà dạy việc". Đêm ấy, mấy ông thức cho đến 3 giờ khuya mới nghỉ.

Kể từ ngày ấy, bên kia thì chú tư tôi hiệp với chú tám tôi, thường hay cầu Ngọc-Cơ mà học hỏi. Còn bên này, ông thân tôi với anh Cao-Hoài-Sang, thì vẫn còn sai bàn. Cả hai bên hằng đêm, đều có chư Tiên đến dạy văn chương thi phú nhiều điều, như là Động-Đình, Liên-Phong, tôi chưa từng thấy, mà nhưt là chú tư tôi, hay có tánh lục lạo, hỏi đon nhiều điển-tích cao xa, và nhiều điều hóa-học bí mật, theo ý tôi tưởng, nếu không phải là bậc Tiên-Thánh thì dầu bậc cao học nào, trong thế gian này, cũng chưa hề thấu đặng.

Lần hồi khi chú tư tôi khỏe thì phò Ngọc-Cơ, lúc mệt lại sai bàn. Một đêm kia, thoạt có một vị Đại Tiên đến, không xưng tên chi, cứ lấy ba chữ đầu "A, Ấ, Ậ" làm hiệu, dìu-dẫn. Ban đầu thì dạy thi phú,

điển tích, rồi lần qua việc Đạo, ấy là bên chú tư tôi. Còn bên này, ông thân tôi với anh Cao-Hoài-Sang, một ngày nọ lại tiếp một vị Tiên-Cô nơi Diêu-Trì-Cung, giáng vào bàn xưng là "Thanh-Tâm Tài-Nữ" cho một bài văn điệu "Liên-Phong" như vầy:

*Mượn nguồn đạo-đức khóa màu trần,
Luyến thế ngày qua khó kịp xuân.
Bến khổ trường buồm thuyền đợi khách,
Non tiên trở cánh hạc chờ xuân.*

oOo

*Xuân mờ mệt bao nhiêu cảnh ử,
Cụm rừng tông lá xủ, tranh sâu.
Biết bao mấy nổi tang dâu,
Bóng trắng kia đã đứng đầu tuổi xanh.*

oOo

*Xanh vàng ngọn cỏ trái mồ oan,
Oan trái trả vay khách nhộn-nhàng.
Nhân cảnh mấy ai tìm đến chốn,
Chốn bi-ai luống nhọc-nhần than.*

oOo

*Than rằng: Cõi phù sanh nháy mắt,
Trăm năm đâu biết chắc rủi may.
Đua tranh sánh của so tài,
Của tài phùi sạch đường dài thoát qua.*

oOo

Gắng lo xa....

Tôi thấy mấy ông như vậy, tôi bắt chước. Một bữa chúa nhựt kia, ông thân tôi đi khỏi, tôi với em tôi là Nguyễn-Tải-Thân khiêng bàn ra, lối chín giờ ban mai, hai đứa ngồi, cũng úp bốn bàn tay lên, tịnh trí, giây lâu có em tôi nhập về bàn xưng là: "Cao-

Quỳnh-Lượng".

Anh em mừng rỡ nhau, nói nói cười cười, tôi ngụ ý muốn thử coi chơn giả thế nào, tuy tôi đã theo mấy ông lâu rồi, nhưng đức tin chưa trọn; bèn nói với em tôi rằng: "Thầy và chú tư mình, khi ông nội sanh ra, đều có đặt hiệu Mỹ-Ngọc, Bội-Ngọc là vì nội biết chữ Nho. Tôi phiên thầy mình sanh ra, phần thì thầy học tinh những chữ Tây không, làm cho cả hai đứa không có chi hết (dốt quá). Em có thế nào, kiếm cho qua một danh-hiệu chẳng?"

Em tôi liền dõ bàn gõ, tôi tiếp sắp hai chữ: "Ngươn-Ngọc". Tôi lại cạy em tôi cắt nghĩa cho tôi rõ, thoảng như có người hỏi đến, mà tôi nói cho thông (cũng sợ người ta chê dốt nữa!). Em tôi liền giải rằng:

"Đời nhà Ngươn có báu vô giá trị.

Điển-tự: Vua Ngươn khai ca nhiều trận, chur Hầu khiếp vĩa, Bắc-vương kiên oai, cống sứ cho Trung-Quốc một hột ngọc-điệp, trong đời ít có. Khi đem phơi ngọc ấy ngoài nắng, tất nhiên chiếu nhiều màu, thiên ám địa hôn; người khát nước, ngậm vào miệng, dường như ngậm búng nước lã, mà hết khát. Còn nhiều điều quý nữa, song kể không hết. Bởi có đó, nên có câu: "Ngươn-Chiêu-Đế hữu bửu ngọc, nay trích trong câu văn ấy, mà lấy hiệu Ngươn-Ngọc".

Đặng cái hiệu và lời giải ấy, khi ông thân tôi về, tôi thuật lại cho ông nghe. Ông cắt nghĩa rành lại, tôi mới hiểu rõ rằng, cả dòng họ Cao-Quỳnh, danh-hiệu đều do nơi bộ Ngọc; chừng ấy, tôi mới có chút đức tin, là vì nơi đó. Lại cũng vì những thi, phú, lối, sau nữa...

Tôi còn nhớ một ít bài, theo điệu văn Liên-

Phong, ông thân tôi với anh Cao-Hoài-Sang, tiếp của chư Tiên như vậy:

Rành nợ thế rừng thung vui thú,
 Chiều hứng nghe vượn hú chim chiền.
 Một ngày thông-thả là Tiên,
 Suối trong rửa sạch não phiền trần gian.
 Vòng cương-tỏa buộc ràng danh-lợi,
 Chốn hí-trường lui tới lãng-xãng.
 Phép quan luật nước thúc dãn,
 Đỉnh chung rót cuộc mơ-màng chiêm bao.
 Đâu là thấp đâu cao phẩm thế,
 Nhục vinh kia ai để trọn đời.
 Cõi trần kiếp sống mấy hơi,
 Phủi tay chút đã châu rơi ngọc trầm.
 Hỡi ai là khách tri- âm....

H.M.

Liệu mà day trở bước thang xuân,
 Một dặm đường qua Đạo một gân.
 Sóng dậy tang thương hồng chích cánh,
 Trời điều thường phạt họa đồng cân.

oOo

Cân thiêng-liêng chất đồng tội phước,
 Gặp thời tua vẹn được trọng nhân.
 Dịp may để có mấy lần,
 Dò đường đến chốn non Thần mới hay.

oOo

Hay biết Đời sao, Đạo lại sao?
 Hay gần cửa Thánh bước lân vào.
 Hay tìm nẻo chánh, tà xa lánh,
 Hay tập thanh-cao, chí mới cao.

oOo

Cao khôn với, thấp nào để bước,
 Khó mà lần đến được mới mau.
 Chỉ mảnh rối khá lo âu,
 Liệu chơn thoát khỏi vực sâu sau này.

T.T.T.N. hiến.

Nhàn du bạch dạ tuyền phong đình,
 Âm tàng diệt kỳ chiếu đầu tinh.
 Chơn tịch quyền khai thiên vị đắc,
 Nhơn bang hữu cộng liệt trần đình.
 Rèm gió đêm trăng bóng rạng thình,
 Nghêu-ngao non Túy thú riêng mình.
 Thu về hứng cảnh đôi bầu cúc,
 Hạ đến vui sen mấy tiệc quỳnh.
 Nhàn dạo vắn-vơ theo Nhứt-Nguyệt,
 Rành ngồi chằm-rãi tụng Huỳnh-Đình.
 Tranh đua giữ sạch lần phi-thị,
 Gặp buổi giang-hồ với chúng-sinh.

N.A.Đ.

Một bài văn của Quan-Thánh Đế-Quân cho một người Đạo-hữu vì ít biết tiếng Việt-nam, nên xin Ngài cho chữ Langsa:

*L'homme a ses maux, le roseau a ses plaintes,
 De ta destinée a pris soin le Créateur,
 En te préservant de la vie toutes contraintes,
 En semant à tes pas, espoir et non malheur,
 A l'horizon loitain, déjà l'astre du jour,
 Commence à décliner, ne perds pas de temps,
 Pour qu'à ce séjour si beureux sois de retour.
 Purgatoire accompli et esprit sans tourment,
 Prôlant souventes fois les sombres nuages,
 A perdre ton éclat, ton étoile est prête,*

Mais une main divine à ton avantage,
 D'un geste enchanteur dissipe la tempête.
 Pour des entreprises lointaines, tu n'es pas fait,
 Restes à ton sillon, ton compte est arrêté.
 Le bonheur bien conçu n'est-il pas le plus vrai?
 Réserve ces faveurs à ta postérité.
 Profite de ton présent, fais ta vie à venir,
 Répare tes erreurs passées, sois bon père.
 Marche vers le chemin de Dieu sans ralentir,
 La vie a des ailes, elle n'est qu'éphémère.
 Tâche de me comprendre.

Tạm dịch:

Con người cũng như cây sậy đều có những
 khổ tâm riêng,
 Nhưng Thượng Đế đã an bày định mệnh cho con,
 Bảo bọc con khỏi bị ràng buộc,
 gieo niềm hi vọng chớ chẳng phải khổ đau trên
 những bước chân con trong cuộc đời.
 Từ phương trời xa, ngày đã gần tàn,
 Đùng ủng phí thời gian,
 Để ngày về được ngập tràn hạnh phúc.
 Cõi đạo đầy đã vượt qua, không còn bị vầy vò.
 Qua những vầng mây u ám,
 Ánh sao con sắp tắt,
 Nhưng một bàn tay diệu huyền đã giúp con,
 Vệt màn bão tố.
 Con chẳng phải sanh ra vì những sản nghiệp vẫn vơ,
 Hãy dừng lại, vì trường mục kia không còn nữa.
 Hạnh phúc con cảm nhận được chẳng phải là một
 bằng chứng chân thật nhất hay sao?
 Hãy dành những ân huệ này cho hậu thế.

Hãy lợi dụng những phút giây hiện tại để xây
 dựng tương lai,
 Hãy sửa sai những lỗi lầm đã qua, để làm một
 đấng cha hiền.
 Hãy mau chân theo bước đường trở về cùng Thầy,
 Vì con ơi, cánh đời phù du bay thoáng qua như chớp.
 Hãy gắng hiểu.

(HH Bùi Đắc Hùm)

Thăng.

Thuật đến đây, M. Đức nói rằng: Còn nhiều
 lắm, nhưng tôi không nhớ hết.

Còn bên chú tư tôi, khi vì Đại-Tiên hiệu A, Ǻ,
 Ǻ giảng mà dạy Đạo, một ít lâu, bữa nọ, Ngài nói với
 mấy ông rằng: Nếu muốn cho Ngài, để tận-tâm
 truyền đạo-lý, thì thầy đều phải kính Ngài làm
 "Thầy", mới tiện bề đối-đãi nhau.

Chú tư tôi nghe vậy, thì lại càng mừng lắm,
 liền vưng chịu mà thọ giáo với Ngài. Nên từ đây, hễ
 Ngài có giảng cơ thì cứ xưng là "Thầy", rồi chào lại
 "Các con" mà thôi.

Đêm kia, nhằm 24 Décembre 1925, mấy ông
 cũng hiệp nhau lại, cầu Ngài mà học Đạo, nhưng
 Ngài không đến. Một chập lâu, Thất-Nương giảng
 vào nói rằng: "Rất mừng vui". Mấy ông không hiểu
 chi cả, bèn tiếp hỏi Cô: "Mừng việc chi?"

Cô trả lời rằng: "Đêm nay là đêm kỷ-niệm
 của Thầy giảng sanh, trong hai ngàn năm trước, mà
 khai Thánh-Giáo nơi miền Thái-Tây; nên giờ này,
 Thầy đương hội chư Phật, Tiên, Thánh, Thần dự lễ,
 mà không đến đặng cùng mấy anh. Vậy mấy anh nên
 cầu nguyện cho cả bá tánh, trong đêm lành này, rồi

ngủ. Bữa khác, Thầy sẽ đến dạy việc cần yếu".

Nghe Thất-Nương nói đến đó, thì hồn vía của mấy ông đã bay bổng lên mây cả. Nửa mừng, nửa sợ, mừng là mừng vì đặng Chúa Thánh dạy khuyên, còn sợ là sợ nổi bấy lâu, vì không biết Ngài, mà e lúc trước có nhiều khi thất lễ cho đến canh khuya mới lui nhau về ngủ.

Qua đêm sau, mấy ông hiệp lại, lập hương-án (bữa nay áp quỳ lại thầy thầy) cầu Ngài đến. Ngài giáng vào cơ mà chỉ-dẫn:

"Từ buổi Hồng Mông, nứt khí Hư-vô phân Lưỡng-Nghi, sanh Tứ-Tượng, chia Bát-Quái, rồi mới biến hóa Nhứt, Nguyệt, Tinh-tú và 72 Địa-cầu, mà tạo thành Càn-Khôn Thế-Giái".

Ngài lại giải rằng, lúc khí Hư-vô sanh Lưỡng-Nghi:

"Dương-khí thăng lên, biến ra Ngài; Âm-khí hạ xuống, biến ra Kim-Mâu Nương-Nương".

Nghe đến đó, mấy ông mới biết Đấng ấy là "Huyền-Khung Cao-Thượng-Đế", đã tá phạm gian nhiều khi rồi, mà diu Đạo nơi Á-Đông, lại giáng-sanh khai Thánh-Giáo miền Thái-Tây nữa. Nay vì đã rốt cuộc tuần hườn, trong cõi Dinh-hoàn, thì giờ đã cùng tận lối Hạ-Ngươn này, nên Ngài đến hoàng-khai Đại-Đạo, chuyển các Tôn-Giáo lại, mà diu-dẫn lần chót. Ấy cũng bởi Ngài thấy cả sanh-linh, đã lúống theo thế-tình, mà quên phúc nguồn cội.

Trước mặt ba vị: Cao-Quỳnh-Cư, Phạm-Công-Tắc, Cao-Hoài-Sang.

Ngài hỏi rằng: "Thầy muốn dùng các con mà khai Đạo, các con có dám lãnh trọng-nhậm ấy

chẳng?"

Mấy ông bạch rằng: "Trong các con từ bé chí trưởng, chẳng thông Đạo-lý chi, duy nhờ Đức Chí-Tôn dạy bảo bấy lâu, thì sự biết, chưa đặng trong muôn một, e cho chẳng xứng đáng, mà lãnh trách-nhậm lớn lao ấy".

Ngài nói rằng: "Chi chi có Thầy gần bên các con, miễn là các con khứng chịu, gắng để trọn tác lòng, thì chẳng hề chi".

Mấy ông vung chịu, và xin Ngài chỉ bảo cách thức, đặng thờ Ngài. Ngài lại dạy mấy ông phải đến ông Phủ Chiêu, là người có thờ Ngài đã lâu rồi; lại dặn mấy ông, chùng nào đi phải đem theo Ngọc-Cơ, đặng Ngài giáng, mà chỉ dạy thêm trong cách thờ phượng.

Mấy vị vung mạng lệnh, tìm đến hiệp với ông Phủ Chiêu. Nhưng nghe rằng, ít tháng sau, vì không khứng nạp dụng những Đạo-hữu tới lui rần-rộ, trái tôn-chỉ Đạo của ông, là phải tịnh-dưỡng mà thôi, nên ông Phủ Chiêu thối bước từ buổi ấy.

Lúc-thúc đã gần cuối năm, Đức Chí-Tôn lại dạy ba vị, phải ăn chay trước ba ngày, đặng chí đêm 30 tháng Chạp năm nọ là Ất-Sửu, đợi đúng giờ Tý, là đầu ngày của năm Bính-Dần, mỗi người thắp ba cây nhang, ra quì nơi ngoài Trời, thành tâm khẩn vái, vọng thiên cầu Đạo, và thề rằng: "Nếu chẳng tận-tâm lo vun đắp nền Đạo, thì Ngũ-Lôi tru diệt". Mấy ông đều vung chịu, rồi cả thầy đều thi-hành theo lời dạy.

Khi mấy ông khẩn vái xong rồi, thì vào nhà phò loan cầu Ngài, hầu coi có điều chi dạy bảo chẳng?

Đức Chí-Tôn giảng dạy như vậy:

Thầy cho các con hiểu rằng: Buổi tạo Thiên lập Địa, Thầy sanh loài người ra, nhằm ngày Dần "Nhân sanh ư Dần". Vậy từ đây, Thầy dùng các con, làm tay chơn, mà gầy dựng nền Chánh-giáo. Lại cũng kể ngày nay là ngày phát khởi nguồn Đại-Đạo, lấy hiệu Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, còn Ngài thì Tá-danh Cao-Đài Tiên-Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát.

Rồi Ngài giải rõ rằng: Trong danh-hiệu của Ngài, gồm đủ Tam-Giáo: Nho, Đạo, Thích ngày mồng một, năm Bính-Dần là do nơi đó.

Vài ngày sau, Đức Chí-Tôn mới sai chú tư và chú tám tôi vô Chợ-lớn, cũng dạy đem Ngọc-Cơ theo, rồi Ngài giảng mà độ dẫn ông Lê-Văn-Trung, là cựu Hội-Đồng Thượng-Nghị-Viện, rồi lần lần đi tới mấy vị khác nữa.

Cách ít lâu, tôi thấy chú tư và chú tám tôi, nhờ Cơ-bút mà biết nhiều việc cao xa, lại vững mạng linh gầy ra mối Đại-Đạo Tam-Kỳ, còn ông thân tôi và anh Cao-Hoài-Sang cũng tiếp theo nghề Đồng-Tử, mà điều-dẫn chúng sanh, trót triệu người nhập-môn cầu Đạo. Đức Chí-Tôn lại định cho chú tư tôi phải xin thôi làm việc; còn chú tám tôi thì xin nghỉ đỡ ít lâu. Cả hai người về trí nơi hướng Đông miệt Tây-Ninh, mà lo vun đắp nền Thánh-Giáo. Còn phần ông thân tôi và anh Cao-Hoài-Sang thì về miền Tây. Lại có một cặp loan khác nữa là M. Nguyễn-Trung-Hậu và M. Trương-Hữu-Đức, lo việc phổ-độ miệt Trung-ương.

M. Đức thuật đến đây thì tôi liền tiếp hỏi ảnh rằng:

- Nếu vậy thì Đại-Đạo Tam-Kỳ khai ra, là

nhờ nơi Cơ-bút, chớ không phải bắt chước ai, theo như lời truyền ngôn của những người công kích Đạo đó sao?

- Không phải đâu! Nguồn cội của Đại-Đạo, do nơi Cơ-bút của mấy ông mà ra. Thậm chí, cho đến kiểu vở áo mào, thước tắc và màu áo của các Chức-sắc mặc, nào là khăn mấy lớp, áo mấy dải, thì cũng tùy Cơ-bút mà thôi, chớ nào ai hiểu biết đặng. Nhưng người muốn kích-bác, trước khi luận việc chi, họ chẳng chịu để tai mắt, xa nghe cận thấy, lại cũng vì lòng ó Đạo, nên hễ họ vừa lóng lời sao khẩu, thì vội bình-phẩm liền. Sơ tâm cho đến thế, mà họ vẫn cứ tưởng mình là cao kiến hơn cả triệu sanh chúng; vậy sao gọi bực lăm-thức tình đời.

Như lúc sau, có mấy vị trong Bát Tiên, đến điu-dắt mấy ông, có để những lời vàng ngọc này, anh nghe thử coi thế nào, rồi sẽ luận sự chơn giả:

Đại hỉ chư Đạo-hữu

*Trời đất riêng tay giữ một bầu,
Ngàn mây dậm gió gót chơn trâu.
Rừng thông thông-thả nhân ra đạo,
Đền ngọc thung-dung rành đến châu.
Thoát tục sớm dàu nên bầy bạn,
Dẫn phạm nay rào khắp năm châu.
Thế trần mừng gặp Tam-Kỳ độ,
Biển khổ thuyền đưa khách lánh sầu.*

Lý-Ngưng-Dương

Chư Đạo-hữu may mắn thay, gặp đường Chánh-giáo, chớ dần-dà, trễ công thiếu quả, mà chẳng đến thang Thiêng-liêng kịp thì hội vị. Lão mong ngày Đạo khai hoàn, chư Đạo-hữu nên gắng

sức. Đường cũng chẳng bao xa, miễn hiệp đồng nhứt tâm vì sanh chúng, sau còn ngày gặp-gỡ. Thăng.

*Rào khắp non sông dặm trải qua,
Bì gương nhứt nguyệt tác không già.
Biển trần nay gặp kỳ diu chúng,
Muôn dặm đèn soi đã có ta.*

Hón-Chung-Ly

Chư Đạo-hữu, Đức Chí-Tôn diu bước, cả Tiên-Phật dẫn đường, há chẳng sớm lánh phồn hoa, đặng dò-dào gương độ chúng. Huống chi, chư Đạo-hữu đã có quả nơi mình, lại chẳng vì mạng lệnh Đức Từ-Bi, mà chịu ít lâu khổ hạnh, hầu mong buổi đoạt phẩm-vị Thiêng-liêng sao?

Ước mong ngày hội ngộ, trông mong buổi tạc thù, rượu Thánh ra non dòm thế, cờ Thần dựa đánh luận đời. May thay! Vui thay! Chư Đạo-hữu nên gắng sức! Thăng.

*Riêng vui nguyệt chiếu sắc trong ao,
Đèn ngọc từng khi để bước vào.
Rảnh hững trăm hoa khoe Đảnh-Ngự,
Nhân vây mấy bạn dự Bàn-Đào.
Độ đời rào gót non sông lướt,
Cứu thế diu nhân đạo-đức trau.
Chờ buổi tuần hườn Thiên Địa trở,
Nương gương Thân huệ một vầng cao.*

Lữ-Động-Tân

Hỉ chư Đạo-hữu, Đạo gặp kỳ phổ-độ, khá biết cải thế thì. Đạo khả trọng, đức năng trau.

Đời đời đổi, Đạo chờ người. Khách tục nường thuyền độ, non Tiên tiếng khánh đưa, gắng nhọc thế lọc-lừa, tìm đường ngay thẳng-rắn. Nguồn

rửa bọn nhiều đường cay đắng, bước nầu sòng dặm lắm gay go. Liệu sao khỏi trĩ con đò, mới thoát vòng khổ hải. Gắng sức vì sanh mạng, lao tâm chớ sợ bởi căn xưa. Đường quanh co, bước khá ngửa; nẻo hiểm trở, chơn nên lánh.

Hậu tái ngộ. Thăng.

*Từng vào non Thánh lại đèn vàng,
Mãn quả sớm nhờ sắc ngọc ban.
Lần hạc tu tâm thìn nét Đạo,
Biển trần độ chúng vãng con hoàn.
Cuộc cờ chung hứng nơi rừng thẳm,
Bầu rượu riêng vui với cột tàng.
Gặp lúc diu đời qua bến tục,
Để công phải nhọc đến phạm gian.*

Lâm-Thể-Hòa

Hỉ chư Đạo-hữu, Đạo gặp lối quanh co, khá biết ngửa vực thẳm, gắng sức cho tròn trách-nhậm lớn lao của Đấng Chí-Tôn phú thác.

Chư Đạo-hữu khá biết. Thăng.

*Trương kỳ bạch động mộ Tiên gia,
Quả diệu thâm trì tác trí kha.
Lão được độ sanh tiên tự khởi,
Hiển trần tu thức trực ninh tà.*

Ách nước nạn dân, số Trời đọa thế. Vòng vay trả, mỗi buộc ràng; nếu có tai mất rộng xa, tự hỏi vì đâu nông-nỗ?

Đạo Trời gỡ nạn, chuông Thánh truy hồn, bến khổ vớt khách chìm, non Thần chờ kẻ lạc; mà cũng còn khư khư nắm chắc miếng đỉnh chung, cấp-cúm giữ đầy lòng nhớ bọn. Đạo, Đời đều chẳng trọn, phương chi tìm chốn thoát lao lung thương đau cho

trẻ dại. Lần-lần lựa-lựa, ngần-ngần ngo-ngo, đũa trí gạt phường ngu, lũ khôn ăn đám dại. Cười... Thăng.

Ấy là những lời khuyên Đạo của năm vị Đại-Tiên, làm cho mấy ông thêm lòng tín-ngưỡng, nên để hết sức chung lo, gánh vác nền Đạo. Lần hồi gầy dựng đặng vững-vàng, phục tâm đặng nhiều trang có trí-thức rồi, thì chia nhau kẻ giúp việc trong, người lo bề ngoài, mà làm cho đồ sộ thêm nữa.

Lập-bật đã vài năm, tôi mắng lo làm việc, sớm đi tối về, thường thấy ông thân, và bà thân tôi đi phổ-độ hoai, e khi già yếu mỗi mệt; nên tôi mới khuyên lơn ông bà ở nhà nghỉ, hầu dưỡng tinh-thần. Ông lại rầy, và cắt nghĩa cho tôi rõ chút ít về việc Đạo. Ông nói với tôi rằng: "Cốt chỉ họ Cao-Quỳnh ta đây, tuy là lẫn-lộn nhiều ít nơi thế mặc dầu, chớ vẫn là người, phải hiến-thân cho Đại-Đạo, dầu cho con ngày sau cũng vậy, con không thấy chú tư con sao? Nay đã giải đường hoạn lộ, đem mảnh hình hài vun đắp nền Đạo, đã lập thành một Tòa Thánh-Tổ; nào là trẩy gốc ven đường, cất nhà ngang dãy dọc, nơi một miếng rừng 150 mẫu, trước kia cây cối phủ che, mà nay đã gần thành khoanh. Lập nên công lớn với Đạo, mà cũng bỏ ích cho Đời nữa! Bây giờ, phận thầy vì mắc ràng buộc thế sự, nên công-quả chưa được toại lòng, thế thì thầy có khứng, nằm ngời nơi nhà, ăn no ngủ kỹ, mà ngắm thế sự cho đành đâu. Khi nào con xin nghỉ làm việc ít ngày, thầy sẽ dắt con đến đó, coi cho thấy những công việc đồ-sộ của chú tư con làm, rồi con mới biết cho thầy, công linh như vậy là có chi đâu!".

Nghe ông thân tôi tỏ mấy điều, và cắt nghĩa

tình-hình đời cho tôi hiểu, làm cho tôi hết dám ngăn cản ông nữa! Từ đó đến nay, tôi dòm coi ý ông, đã chán-ngán tình đời, ông với bà, đều ăn trường chay, còn việc nhà ít hay quảng tới.

Đó là điều tôi thuật sơ cho nghe mà thôi, còn việc cao xa về Thánh-giáo, tôi không nhớ mà nói cho hết.

Nghe dứt câu chuyện của ảnh, dường như tôi thức tỉnh chiêm bao, mới biết là việc của Trời Đất làm ra, chớ sức người đâu có đặng. Rất đổi là các Thánh xưa khai Đạo, tôi hằng coi sách có lần nào thanh-hành như buổi này đâu. Tuy nghe ảnh nói vậy, song còn muốn thấy hiện-diện, cho biết rõ nguồn cội thêm. Tôi cậy ảnh, nếu chùng nào ông thân ảnh đi, thì xin ảnh dìu-dẫn tôi theo coi thử.

Cách ít lâu, gặp lễ nghỉ đặng ba ngày, ảnh cho tôi hay, rồi đề-huê ra đi. Khi đến Tòa-Thánh, M. Đức dắt tôi vào lạy nơi đại điện, đoạn ảnh chỉ mấy cốt thờ nơi Bát-Quái-Đài, mà cắt nghĩa cho tôi nghe: Phía trên có dựng một trái Càn-Khôn có vẽ Thiên-Nhãn, và đây những Tinh-tú, ấy là thờ Đấng Tạo-Hóa, chủ quyền chấp-chưởng cả Càn-Khôn Thế-Giới, vì Ngài là vô vi, không có hình ảnh nên không lên cốt Ngài soi khắp mọi nơi, dầu cho đôi vàng Nhật-Nguyệt và các vì Tinh-tú, cho đến các Phật, Tiên, Thánh, Thần cũng trong tay Ngài mà thôi. Tôi lại thấy trong lòng trái Càn-Khôn, có thấp một ngọn đèn, tôi liền hỏi ảnh. Ảnh cắt nghĩa rằng: "Ấy là ánh sáng của Đạo đương khai, cũng nên gọi là Hồn của cả sanh linh, nơi trái cầu sáu mươi tám này, đứng trong hàng Thất-thập-nhị địa".

Kế đó, ảnh chỉ các cốt như là:

Đức Thích-Ca, khai đạo Phật,
Đức Lão-Tử, khai đạo Tiên,
Đức Chúa Jésus Christ, khai đạo Thánh,
Đức Khương-Thái-Công, khai Bảng phong Thần,
Đức Khổng-Phu-Tử, khai đạo Nho.

Lại chỉ cốt Đức Phật Quan-Âm Bồ-Tát, Đức Lý-Thái-Bạch và Quan-Thánh Đế-Quân mà nói rằng: "Ấy là ba vị Phật, Tiên, Thánh thay mặt cho Tam-Giáo, dìu Đạo kỳ Hạ-ngươn này, giúp sức cho Đức Cao-Đài Thượng-Đế, tức là Giáo-Chủ, đứng chủ quyền nền Đại-Đạo Tam-Kỳ. Ngài đủ quyền thiêng-liêng màu nhiệm, mà qui nguyên các Tôn-Giáo lại hiệp nhứt mới đặng".

Anh lại chỉ phía dưới hết, có bảy cái ngai, là ngôi vị thiêng-liêng của Đức Giáo-Tông, ba vị Chương-Pháp và ba vị Đầu-Sư, thuộc về Nhơn-Đạo. Nhưng sắp ở đó, chớ không ai ngồi, duy có đặng tọa-vị trong mỗi khi Đại-hội Chức-sắc mà thôi.

M. Đức nói rằng: Trong đền thờ, các Đấng ấy là người đã có công khai sáng Đạo, từ buổi tạo Thiên lập Địa đến giờ, hiệp lại mới gọi:

Tam-Giáo là:

Thích
Đạo
Nho

Mà cũng gồm về...

Ngũ-Chi Đại-Đạo là:

Phật-Đạo,
Tiên-Đạo,
Thánh-Đạo,

Thần-Đạo,
Nhơn-Đạo.

Viếng nơi Bát-Quái-Đài (đại-diện) rồi ảnh dất tôi trở ra khoảng giữa rộng dài, mà cắt nghĩa với tôi rằng: Đây gọi là Cửu-Trùng-Đài, nơi của Ba-ngàn-một-trăm-mười-hai Chức-sắc. Đẳng cấp như vầy:

1 vị Giáo-Tông (Pape)

3 vị Đầu-Sư (Cardinaux)

36 vị Phối-Sư (Archevêques) nhưng có 3 vị Chánh đặng thay mặt cho 3 Đầu-Sư, còn 33 vị kia là Phó.

72 vị Giáo-Sư (Evêques)

3000 vị Giáo-Hữu (Prêtre)

Tổng Cộng là

3112 vị.

Nên Đức Cao-Đài Thượng-Đế gọi là:

Nhứt Phật

Tam Tiên

Tam-thập-lục Thánh

Thất-thập-nhị Hiền

Tam thiên Đồ-đệ Tiên

là vậy đó, cả thầy đều chia ra làm Tam-phái, mặc Thiên-phục ba sắc khác nhau.

Sắc vàng gọi là Thái-Thanh về Phật-giáo, Sắc xanh gọi là Thượng-Thanh về Tiên-giáo Sắc đỏ gọi là Ngọc-Thanh về Nho-giáo.

Duy có Đức Giáo-Tông thì mặc áo trắng có thêu Bát-Quái và mũ trắng gọi là "Mitre pontificale" mà thôi. Ấy là người làm đầu của 3111 vị kia. Lại còn Lễ-Sanh, cũng đủ Tam-phái gọi là: Elèves-Prêtres, nhưng vô số (Nombre illimité) vì chưa đứng vào hàng Chức-sắc.

Coi nơi đó rồi, ảnh dẫn tôi ra phía ngoài xa, thấy hai bên có lầu chuông và lầu trống, lại có thang leo lên, gặp một khoảng rộng-rãi ngay chính giữa, ảnh nói rằng: Đây là Hiệp-Thiên-Đài, Chức-sắc nơi này Chí-Tôn sắp đặt chưa hoàn-toàn, vì Đạo mới khai, nên vào chưa đủ số, duy có 21 vị, đẳng-cấp như vậy:

Hộ Pháp
 Thượng Phẩm
 Thượng Sanh
 Bảo Học Quân
 Bảo Văn Quân
 Bảo-Đạo
 Bảo-Pháp
 Bảo-Thế
 Bảo Sanh Quân
 Bảo Cô Quân
 Hiến-Đạo
 Hiến Pháp
 Hiến-Thế
 Khai-Đạo
 Khai Pháp
 Khai-Thế
 Tiếp Lễ
 Tiếp-Đạo
 Tiếp-Pháp
 Tiếp-Thế
 Tiếp Y

Vị Hộ-Pháp là người Chương-Quản Hiệp-Thiên-Đài, cũng như vị Giáo-Tông bên Cửu-Trùng-Đài, cốt chỉ để gìn-giữ luật-lệ, và nắm các bí-pháp của

Đạo, lại phải bảo-hộ mấy chi dưới kia đặng làm cho tròn phận-sự.

* Phía hữu:

- Thượng-Phẩm, là vị để bảo-hộ, sắp đặt phẩm-vị cho cả Đạo-hữu đã nhập-môn, từ Chức-sắc cho đến Tín-đồ, về chi Đạo.

- Bảo-Văn-Pháp-Quân, là vị để bảo-hộ Văn-chương và Kỹ-nghệ cho cả nền Đạo, về chi Văn-pháp (Arts & Belles-letters).

- Bảo-Học-Quân, là vị để bảo-hộ Ty Giáo-dục cho cả nền Đạo, về chi Giáo-huấn.

* Phía tả:

- Thượng-Sanh, là vị để bảo-hộ cho cả sanh linh, dạy-dỗ đủ tư-cách đặng đem vào nền Đạo, nếu có điều chi sai trái luật Đạo, thì người lại phải xem-sóc; về chi Thế.

- Bảo-Sanh-Quân, là vị để bảo-hộ về khoa Y-dược mà cứu chữa cả Đạo-hữu của nền Đạo, về chi Bảo-sanh.

- Bảo-Cô-Quân, là vị để bảo-hộ cho những người cô quả, và trẻ côic trong nền Đạo, về chi Bảo-cô.

Ấy là sáu vị làm đầu trong mỗi chi, còn dưới nữa, duy mới có Thập-Nhị-Thời-Quân, chia ra làm ba, và vài vị để giúp các vị Chương-Quản trên kia, như là:

Bốn vị giúp sức cho Hộ-Pháp,
 Bốn vị giúp sức cho Thượng-Phẩm,
 Bốn vị giúp sức cho Thượng-Sanh,
 Một vị giúp sức cho Bảo-Văn-Pháp-Quân,
 Một vị giúp sức cho Bảo-Sanh-Quân,

sau sẽ còn nhiều nữa.

Mấy Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài kể trên kia là những vị nắm mối giềng cho nền Đạo, cầm đuốc sáng dìu đường cho cả thầy, lại là người để lập điều-lệ theo phận-sự của mình cho cả và sanh chúng, nên gọi là "Chơn Thần" của Đạo. Mấy ông vẫn là người phò-loan (Médiums) tiếp tay những lời Thánh-Giáo của Đức Chí-Tôn, và các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần trên Bát-Quái-Đài, gọi là "Hồn" của Đạo, rồi giao lại cho Chức-sắc Cửu-Trùng-Đài là những trang hành-chánh và phổ-độ, gọi là "Xác" của Đạo tùy theo đó mà ban hành ra cho cả Đạo-hữu.

Nếu có điều chi sai sót, không hợp với sanh-linh, thì Chức-sắc Cửu-Trùng-Đài cũng có thể gọi lên Hiệp-Thiên-Đài mà xin chân-chỉnh lại, nhưng cũng phải tìm điều hữu-lý mà biện-bác, mới sửa cải đặng.

M. Cao-Quỳnh-Đức lại giải thêm với tôi rằng:

Trong 21 Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài đã kể trên đây, có hai vị: Thượng-Phẩm và Thượng-Sanh, vẫn là Chức-sắc bên Cửu-Trùng-Đài, sắp vào hàng Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài, đặng bình vực quyền của Chức-sắc Cửu-Trùng-Đài, và cả sanh chúng Hiệp-Thiên-Đài sắp vào hàng ngũ Cửu-Trùng-Đài, kể dưới Giáo-Tông, hầu có hiện diện, mà bảo-bô vun trồng các luật-lệ của Hộ-Pháp đã giao qua Cửu-Trùng-Đài, mà ban hành ra cho sanh chúng.

Coi xong rồi, bước xuống thang, ảnh dắt tôi ra phía sau Phòng-Văn, trình-diện với mấy ông Chức-sắc lớn, rồi dẫn coi nhiều chỗ khác. Mỗi mỗi đều có cất nghĩa: Nào là cốt Phật Thích-Ca cõi ngựa, tựa hình lúc ông Cyaca Mouni còn đương kiêm

Hoàng-Tử, từ Hoàng-thành tầm Đạo; ấy là trạng-thái lúc khai nguyên Phật-Giáo, lại có cốt ông Sa-Nạt dựng phía sau, nào là Phật Di-Lặc, còn hai bên đường thì có rừng trầy sạch những tạp mộc, chừa lại nhiều cây cao lớn, có tàn che mát-mẻ tốt tươi, gọi là Vườn Thiên Nhiên.

Ảnh dắt tôi lần-lần ra nhà tịnh, rồi lại trở vòng qua các nhà khác nữa.

Tôi nhắm coi thật minh-mông, ngó đầ mỏn mắt, nghĩ cho M. Cao-Quỳnh-Cư, điều đình mà khai phá miếng đất này, đã để công-trình rất dày, mới đặng vậy.

PHU THÊ YẾU LUẬN

Tôi đi coi trót buổi mà chưa hết, song tôi thấy M. Đức có hơi mỗi mệt, nên tôi khuyên anh đi nghỉ, còn tôi thì lần hồi trở ra bàu Cà-Na, là chỗ sẽ tạo Động-Đình-Hồ mà coi nữa.

Đi vừa tới khóm rừng, chợt thấy một người đàn ông, một người đàn bà, cả hai trạc lối 26, 27 tuổi, ngồi đầu mặt với nhau mà nói chuyện, nhưng vì khuất cội cây, mà hai người không thấy tôi.

Tôi liền đứng dừng lại, suy nghĩ rằng: Nơi đây là chốn tu-hành, sao lại có việc lén-lút này. Cũng vì tánh hay tọc mạch, nên tôi lóng tai nghe.

Người đàn ông nói: "Qua nghe người ta đồn đã lâu rằng, bà già và em vô Đạo Cao-Đài, nhưng qua cũng có đến kiếm đôi ba lần, mà không gặp mặt".

Người đàn bà nói: "Phải, từ buổi anh say mê theo đảng điểm, bỏ em lẩn-lóc một mình ở nhà quạnh hiu, trót năm trường, em cũng tưởng là chồng không đoái đến, thì cũng còn cha mẹ anh em, nên ở lại, ráng làm cho tròn phận dâu con. Té ra, em để ý dòm coi, chẳng có một người nào thương em cả. Liệu thế chẳng an thân, nên em lạy cha mẹ mà về hãm-hút với mẹ già, đâu cũngặng vài tháng, ở ăn cũng yên.

Một ngày kia, em đang xách nước, thỉnh-linh xây-xả mây mặt, phát nóng lạnh vài ngày, rồi mất trí luôn. Lúc ấy, em chẳng còn biết chi hết. Sau khi mạnh, em nghe bà già thuật chuyện lại rằng: Buổi nọ, em điên cho đến đổi xé quần, xé áo, song cũng may,

sao em không nói chi bậy bạ, duy cứ lạy hoài mà thôi, còn ăn uống, thì nhiều hơn mọi khi, nhưng chẳng chịu hơi cá thịt, cứ ăn ròng những tương chao, rau muối cho đến ngày nay. Khi đó, bà già thấy em như vậy, thì đau lòng, rước nào là bóng, chàng; thầy pháp, thầy phù gì thôi đã đủ. Kể nói đau ma, người rằng mắc quỷ, lập đàn chuyên chữa rộn-ràng, trót mấy tháng, không nên chi cả, rốt cuộc tiền mất tật còn. Sau lại, nhờ có mấy ông trong Đại-Đạo, hết lòng cầu khẩn; lớp thì truyền điển, người thì vải bông, cho uống nước Thánh, chưa đầy ba ngày mà bệnh căn đã lần lần thuyên giảm. Lúc ấy trong nhà thì nghèo, lại cũng có thiếu chút ít của người ta, vì lúc chạy thầy cho em, thiếu sức nên buộc bà già phải vay hỏi, song cũng nhờ mấy ông, kẻ nhiều người ít, góp nhóp đầu đặng vài chục đồng. Với tiền ấy, bà già đem trả cho người ta, còn dư bao nhiêu thì làm sở phí, chở em lên đến đây ở dưỡng bệnh. Mấy ông lại cho thuốc men uống, không ăn tiền bạc chi, trong mười ngày thì em bình-phục lại như xưa. Từ ấy đến nay, mẹ con ở luôn nơi đây, lo công-quả mà bồi đáp ân-huệ đã rưới ban của Trời Phật".

Chùng nói đến đó, tôi mới biết là hai vợ chồng, vì việc gia-đình nên phải cách bức nhau, nay mới gặp mặt đặng. Tôi lại nghe người chồng tiếp rằng:

"Nay em đã mạnh rồi, còn ở chi nơi đây. Vậy việc qua lỗ chơi bồi, biết là sự quấy, qua đã ăn-năn nên mới kiếm đem em về. Em bằng lòng chẳng?"

Vợ: - Ấy là một điều rất khó tính, vì em đã ngán-ngẫm tuồng đời. Việc vợ chồng, tuy anh để ý

phụ em, chớ em vẫn giữ tròn bổn phận làm vợ. Từ ngày em về với anh, đã biết rằng chẳng có cưới hỏi chi, song ở cùng nhau đã mấy năm dư, trên em giữ lòng kính thờ cha mẹ, dưới lo phụng-sự cho chồng. Em cũng chán biết, phận em chịu nhiều nỗi đắng cay, nội nhà đều giữ Đạo Thiên-Chúa, duy có sót một mình em là người ngoại. Em vẫn biết Đạo nào cũng vậy, cứ dạy việc hiền lành đạo-đức, ngặt vì em còn cha mẹ già yếu, lại từng theo Nho-Giáo, nên em không nỡ bỏ mà theo Đạo của anh. Bởi có ấy, nên tuy là vợ chồng thương nhau, mà cha mẹ, anh chị lại chẳng khứng cho anh ở với em, hằng ngày xô đuổi, coi em như cỏ rác, thị như Mên-man, mọi-rợ; đối-đãi với em chẳng khác chi với kẻ thù nghịch, lại đày đọa em quá lẽ! Nhưng đã lỡ việc vợ chồng, không lẽ một lần đập cút, rồi phải chặt chơn, nên em ráng chịu đã mấy năm khốn-khổ.

Anh còn nhớ, lúc ông già em quá vãng, em lạy cha mẹ xin về chịu tang, và đưa ông lên đàng. Cha mẹ nằng-nặng quyết một không cho, lại nói rằng; em muốn về đặng lạy thầy ma thúì sao? Anh nghĩ coi, cha mẹ đã lắm chịu nhọc-nhàn sanh em ra nâng-niêu từ bé chí trưởng, biết bao nhiêu công cán. Theo phong hóa nhà Nam ta, đã mấy ngàn năm giữ gốc Nho-Gia, sự vong như sự tồn, dầu mất dầu còn cũng kính thờ như một. Huống chi Thánh, Thần đâu chẳng biết, duy trước mắt em vẫn thấy, cha là Trời, mẹ là biển. Nay cha đã thác, dầu ơn sinh dưỡng, mà đối với một vài lạy đưa lên đàng, há tiếc hay sao?

Vì em thâm nghĩ như vậy, nên năn-nỉ khẩn cầu hết lời, tuy là cha mẹ cho đi, nhưng trong ý,

không chút nào ưng chịu. Từ ngày em lo việc tống táng ông già em xong, trở về cho đến sau, thân em lại càng khốn cùng hơn nữa! Song đã thương chồng, nên em đành chữ làm thinh, mà gắng chịu đắng cay từ ấy.

Bởi các có ấy, dầu cho em còn xét chút nghĩa vợ chồng, cũng khó nổi về với anh cho tiện. Một là vì em đã khấn vái với Trời Phật, mà nhập-môn cầu Đạo, nay chẳng lẽ em bán-đồ nhi-phế? Hai là nay bà già em tuổi đã cao, mà lại góa bụa, không còn con cái chi khác hơn là em nữa! Nên bổn-phận em là con, phải vì tình chất-chiu khi bé thơ, mà ở vậy hủ-hỉ với mẹ già, hầu thủ hiếu cho đến ngày lâm chung của bà. Đã vậy, phần em lại ăn trường chay, cũng là một điều rất khó cho em về chung cùng với anh đặng.

Chồng: - Em khéo nghe lời họ, chuyện gì thì chẳng nói làm chi, chớ việc ăn chay, là điều thúc-xác. Theo như Đạo của qua, ấy là trái hẳn với Trời Đất. Vì Tạo-hóa đã sanh vật ra mà dưỡng nhơn, lại chẳng chịu dùng, bo-bo mà ăn những thảo-mộc, là chất không bổ-dưỡng xác thịt của ta, thì phải mau chết. Mà chết vậy, lại có tội thác-trúc không chịu ở thế-gian, càng phải sa vào Địa-ngục.

Vợ: - Em là phận nữ-nhi, tuy có học Nho chút ít hời thuở nhỏ, có biết chi cho lắm. Nhưng nghe mấy ông lớn trong Đại-Đạo Tam-Kỳ giải về việc ăn chay, tuy em không hiểu cho hết, chớ cũng còn để ý chút ít, sơ-lược như vậy: Các sanh vật của Tạo-Đoan đã biến hóa ra, đều có sự hằng sống, cũng như loài người, nhưng khác nhau là vì mình đứng về hàng thứ ba trong tam tài: "Thiên, Địa, Nhơn". Người nhờ hưởng đặng khí huyết tinh-tấn trong sạch nên trí não thông

minh, biết nói, biết luận và biết nhiều điều khôn ngoan hơn cầm thú. Còn sanh vật lại khác hơn ta là do nơi chất, nên trí não chẳng có, ngu muội, dử-dần, thô kịch. Nếu ta đem máu huyết ô trược của nó mà chan vào với sự trong sạch của ta, thì chẳng khác chi lấy bùn mà bỏ vào một ly nước trong, lần hồi một khi một ít. Rồi lại, thì nước ấy trở nên đục đen. Em chỉ sợ cho anh thấy, những sanh vật có sự độc, mà ta vẫn thấy rõ-ràng, như con cá rô, ăn vào thì ho và nhức mỏi. Con cua đinh, làm cho nổi đờn phong; và nhiều thú khác nữa... Huống chi heo bò, vẫn có chất khác với người, tuy cái độc của nó không hại ta hiện thời, mà nó vẫn làm cho ta sanh ra đau đớn về sau xa nữa. Lại trong các thú rừng, có nhiều con dử dần, ăn vào lần lần thân thể ta đều truyền-nhiễm các chất trược của nó. Bởi có, nên chất thú pha với chất người, mà làm cho người phải hóa ra hung tợn, mất cả chất Thánh của Tạo-hóa sanh, mới làm ra những điều tàn bạo ghét lẫn nhau, giành-giựt nhau, cho đến giết nhau, và làm những điều tội phong bại tục. Ấy mới trái hẳn với Tạo-đoan, là Đấng Háo-sanh, ưa sự sống mới biến hóa sanh-linh. Nay vì người làm-lạc mà hại lẫn nhau, nên Ngài mới khai Đại-Đạo đặng bảo tồn nhơn vật. Huống chi xưa, buổi tạo Thiên lập Địa mấy ngàn năm đầu, các Thánh-Hiền trước nào có ăn sanh vật. Nếu như lời của anh rằng: "Ăn chay là ép xác mà chết mau", sao những người xưa cứ dùng lê hoác mà sống trên vài trăm tuổi; mà lại sách vở, hãy còn ràng-ràng rằng: "Người bày biện ra mà dùng sanh vật, phát khởi sau vua Thần-Nông mà thôi".

Anh lại nói rằng: "Thảo-mộc là vật-chất

không nuôi nắng tinh-thần" thì cũng còn một điều rất làm-lạc; là vì buổi xưa kia, các bậc Thánh-Hiền, để hết trí não, tìm kiếm phương-châm, đặng cứu sanh-linh, vì đem chất thú vào mình, mà nảy sanh ra bệnh hoạn, thì phần nhiều lại dùng cỏ cây mà làm thuốc. Cho đến hiện thời, các nhà Hiên-Triết về Y-Khoa toàn trong hoàn-cầu đều noi theo đó mà bào chế ra những Y Dược mà trị bệnh; thì tất nhiên, thảo mộc là vật rất quý báu, để bổ dưỡng và phục nguyên thân thể loài người chớ!

Nếu có thể, bớt ăn sanh vật, là một phương tránh đặng sự bệnh hoạn xảy ra một ít. Còn dùng toàn lê hoác, chẳng khác nào ta ngăn ngừa bệnh trước. Người đã không đau ốm, vật lại khỏi bị sát hại; ấy chẳng phải là điều hữu ích chung cho cả hai bên, nhơn và vật sao?

Chồng: - Ấy là điều họ nói ma-ma, phật-phật, có chi gọi là hiển nhiên, em khéo nghe lời họ mà chi. Họ kiếm tích kia truyện nọ rồi bày ra thờ phượng bụt thần, cũng là một điều sai. Theo Đạo của qua, duy có thờ một Đấng, Đức Chúa Trời mà thôi!

Vợ: - Việc ấy em chẳng cãi, nhưng em thấy trong Đại-Đạo Tam-Kỳ, trên thờ Đức Cao-Đài, là Chúa cả Càn-Khôn. Còn theo Thánh-Giáo, thì gọi là Đức Chúa Trời, vẫn cũng là một Đấng ấy. Dưới thì thờ mấy Đấng đã ra công khai các Tôn-Giáo buổi xưa, đều là: Phật, Tiên, Thánh, Thần. Trong số ấy, có Đức Giáo-Chủ Jésus Christ, là Chơn-linh của Đấng Tạo-Hóa, thai xác phàm diu Đạo Thánh miền Âu-Châu, và cũng có Đức Khổng-Phu-Tử, là người đã khai Nho-giáo (Nhơn-đạo).

Ngài cũng là một vị Giáo-Chủ. Các Đấng đã thờ nơi Bát-Quái-Đài, đều có công lớn với đời, nên tên tuổi vẫn còn lưu truyền, nơi sử xanh bia tạc. Trong hoàn cầu, còn ai là chẳng biết nữa! Thầy đều dìu lành cải dữ cho sanh linh, thì cái ân-huệ ấy, chẳng đáng cho ta thờ phượng và kính lạy sao? Huống chi trong nền Đạo Thánh, em có thấy thờ đủ các Thánh Âu-Châu, thì cũng chẳng phải là việc ắt thờ có một Đấng Đức Chúa Trời mà thôi đâu!

Chồng: - Còn việc lạy nữa, theo qua thì duy có lạy Đức Chúa Trời và người sống mà thôi, chẳng nên lạy bụt thần và những người chết.

Vợ: - Điều ấy, anh luận rất sai lầm. Anh có hiểu lạy là chi không, mà vội bàn như vậy? Để em kiếm một ít lời em còn nhớ mấy ông giải-nghĩa, mà thuật lại cho anh nghe:

Lạy hay là chào, đều là sự kính nơi lòng, phô bày ra ngoài, cho thấy cái hình-trạng, nhưng tùy sự trọng khinh, cao thấp, thì cái lạy ấy, dầu với ai làm cũng đặng cả. Thí dụ như, theo phong-tục người Âu, nếu kính nhau, như trọng, thì quỳ gối cúi đầu; còn thường thì đỡ nón, ngang vai lại nắm tay dục-dặt. Theo Annam ta, hễ trọng kính thì lạy, vừa vừa thì xá và cúi đầu. Còn Chà-và và Cao-mên, nếu gặp người trưởng thượng, thì mọp dài xuống đất, bất kể là nơi nào. Ấy là phong-tục của mỗi nước khác nhau. Nếu Annam ta, mà cấm lạy các Thần, Thánh, Tiên, Phật, thì làm thế nào tỏ sự kính của họ đối với các Đấng Thiêng-Liêng ấy đặng? Còn các xác chết, dầu cho có lạy, thì cũng là lạy cái vong-linh; mà dầu cho lạy xác chết, thì lại tội chi sao? Cho đến đỗi, nắn hình đất,

sành, cây kia, cũng còn có thể lạy xá đặng, hà tất chi cái xác chết ấy, trước đã là ông bà, cha mẹ, cô bác của ta, ta vẫn nhờ có xác đó, mới hóa sanh ra xác này. Nếu ta vội quên cái ân thâm nghĩa trọng của xác ấy, thì cái xác của mình đây mới liệu thế nào? Dầu luận cho tột lý, thì bất quá là cái xác của con cháu, lạy cái xác của ông bà cha mẹ, chớ có chi đâu mà từ chối. Lại nếu không cho lạy xác chết, vì nghĩ rằng, đã thành ra ma quỷ, lại thêm một điều sai hấn nữa! Là đến chừng nào tới phiên mình chết, thì cũng vậy, con cháu của mình cũng cho mình là tà quái, truyền tử lưu tôn như thế, thì tu-hành làm chi, mà rốt kiếp cũng hóa ra tà mị. Nếu như thật ắt vậy, thì thà là đừng giữ Đạo, hầu khỏi bị con cháu ngày sau khi dễ. Huống chi, phong hóa nước nhà vẫn đã có sẵn tư-cách như vậy:

- Một mình Đức Chí-Tôn, là Đấng tạo thành Càn-Khôn thế giới, đứng về Thập-Nhị Khai-Thiên. Lại trong tay Ngài, nắm Thập-Nhị-Thời-Thần, thì số 12 là số riêng của Ngài, tất nhiên, ta phải lạy Ngài 12 lạy.

- Các Đấng Phật, Tiên hay về Cửu-Thiên Khai-Hóa, đứng vào hàng Cửu-phẩm Phật Tiên, thì ta lạy các Ngài 9 lạy.

- Các bậc Thánh, Thần vẫn đứng về Tam-phẩm nơi Thiên-đình, thì số 3 là số riêng của bậc Thánh Thần, thì ta lạy các Ngài 3 lạy.

- Người trưởng thượng trong phạm gian, vì còn thọ khí Âm-dương, mà hưởng sự sống nơi thế-trần, thì ta lạy 2 lạy. Hai lạy ấy, tất là một lạy Trời, một lạy Đất, chớ người chưa hưởng đặng lạy nào cả.

- Bậc nhơn-phẩm đã thác thì ta phải lạy 4 lạy.

Nghĩa là, một lạy Trời, một lạy Đất, còn vong hồn của người, duy có hưởng 2 lạy mà thôi.

Ấy cũng là một vẻ phân biệt về Lễ, rất có trật-tự, thì nào phải là điều lộn-xộn đâu, mà ta mờ hồ, để bàn luận đến việc kẻ lạy người không, cho mất niềm hòa khí, lại sanh ra lễ khi dễ Thánh Thần?

Em lại hằng thấy những người Âu-Châu, mỗi khi đi ngang một đám xác, bất câu là sang hay hèn gì, đều dờ nón cúi đầu chào, ấy là người tỏ lòng thương mến và kính cái xác chết chớ gì, nếu người cho là ma quỷ, thì đã lánh xa trước, lễ nào lại thi lễ! Theo như lời của anh nói, em chưa ắt là phải, vì em rõ biết, Đức Giáo-Chủ Jésus Christ có để lời sấm truyền rằng: "Bây phải kính thờ cha mẹ bây" (Adorer vos parents), dầu sự vong như sự tồn cũng là một điều rất chánh đáng, ai ai cũng rõ biết cả.

Chồng: - Con nhỏ này kỳ quá, qua nói phải trái cho em nghe rồi em muốn kích-bác qua, lại chịu nghe theo họ. Em nghĩ coi, trong hoàn-cầu thiếu chi là Đạo, lại bày đặt làm gì nữa cho rộn tang.

Vợ: - Phải, em đâu cãi anh. Các Đạo như trong Ngũ-Chi Đại-Đạo, của em đã nói hồi nãy, đều là Chánh-giáo cả, thầy đều dạy làm lành lánh dữ, tránh vạy theo ngay, là buổi mới sơ khai của mỗi Đạo mà thôi. Những sanh linh nào hiện thời trong lúc ấy, thì còn giữ-gìn lời Thánh-Giáo, mới thọ hưởng thái-bình. Lần lần, một vài trăm năm sau, nhằm thời kỳ khác, tất nhiên như sanh cũng khác, đã xa lời truyền dạy, đâu có thấu đáo cái nhiệm-mầu của Đạo. Mỗi ông có trí-thức, tùy ý của mình, bày chế ra một cách,

hoặc đặng cầu danh, hoặc để thủ lợi. Đạo thì chánh, mà vì người sửa cải ra lần lần mà phải hư hoại, cho đến đổi chánh trở nên tà. Thí-dụ như: Phật-Giáo xưa kia, có dạy đi làm đám đặng lấy tiền công-đức, hoặc làm đồ mã, đốt như bây giờ được đâu? Còn những bí-pháp của Tiên-gia, chẳng phải để làm chuyện giả ngộ như bọn Tả-đạo bày ra, ngồi nghinh xiêng quay gọi rằng trị tà, như thầy pháp vậy? Nho-giáo xưa hằng dạy người giữ luân-lý, tam-cang, ngũ-thường, theo như lời các Thánh roi truyền chỉ-dẫn, mà nào có biểu, trung với vua mình, rồi dùng sức mạnh hiếp thế yếu, gây ra việc đồ khổ cho nhơn sanh? Còn hiếu thảo, cũng chẳng phải biểu ta dối trá, gạt gẫm người, hoặc giết người, giựt của về nuôi cha mẹ?

Mà hiện thời, anh đã thấy rõ-ràng, ứng-chứng ngày nay trên thế-giới này, đều như vậy cả. Cho nên các Đạo vì nơi làm-lạc ấy, mà thành ra điều kích-bác gây lẫn nhau; cũng vì vậy mà sanh linh phải đổ máu, chém giết nhau, chẳng biết bao nhiêu sanh mạng rồi, thậm chí cho đến người một sắc da, mà coi nhau như thù nghịch, thì còn chi gọi là Đạo? Bảo làm sao mà Tạo-hóa không lo hoàng khai Đại-Đạo, qui Tam-Giáo, hiệp Ngũ-Chi, chuyển kỳ Hạ-ngươn là lối chót này, mà sắp đặt cho nhơn quần xã-hội cả hoàn-cầu, dạy phải biết thương yêu nhau, dìu-dắt nhau, chẳng luận là sắc dân nào, cũng đều là con cái của Ngài cả thấy; thậm chí cho đến sanh vật chót hết là côn trùng, Ngài cũng muốn cho ta chẳng nên ý khôn ngoan mà hiếp lẫn nó, vì chúng nó cũng thọ sanh như ta. Đặng vậy, mới xứng đáng phận làm người của Tạo-hóa ban ân cho, mà làm anh cả các loài vật. Ấy là

tôn-chỉ của Đại-Đạo Tam-Kỳ đương lúc này, muốn diu sanh chúng, kết dây liên-ái mà thọ hưởng hòa-bình đó.

Em nói cho cùng lời, là nếu sức phàm của người, mà cải quá lập Đạo kỳ này, mà cũng còn theo như làm sái tôn-chỉ trước, thì Đức Chí-Tôn chẳng hề ngồi yên, mà ngó sự tiêu-diệt, trong buổi Hạ-ngươn này; thế nào cũng phải điều-đình một Đạo khác, cho sanh-linh đặng hưởng sự yên tịnh, mới nhằm Thánh-lý của Ngài, là một Đấng háo-sanh, ưa sống, chớ chẳng chịu giết lẫn nhau.

Chồng: - Em nghe lóm những lời của họ bày bịa ra mà dụ người, rồi hô lên Đạo! Đạo! Chớ Đạo là gì? Em tưởng hễ có Đạo mới sống, còn không Đạo như những người chẳng biết kia rồi chết hay sao?

Vợ: - Nếu anh nói vậy lại sai lầm hơn nữa! Đạo là một điều rất nhiệm màu huyền-bí cao xa, em chẳng hiểu cho thấu đáo, mà nói cho cùng tội cho anh nghe. Mà dầu cho bậc nào, trong thế-gian này, là cao thượng hơn hết, cũng khó giải cho tất lý.

Em chẳng nói chi cho lắm, nhưng anh phải hiểu rằng: Dầu cho Trời Đất, hay là chi chi trong Càn-Khôn thế giới này, cũng là nơi Đạo mà biến hóa ra. Nếu chẳng có Đạo, thì chẳng hề có mảy mún gì trước mắt hết. Ấy là em nói sơ việc huyền-bí, là điều em không rõ ắt, nhưng tùy theo sách vở của các Đấng Hiền-Triết xưa để lại.

Còn nói chi việc hiện tại trong trái cầu này: Bồn phận làm người rất khó, nếu vô đạo, thì đâu có phải là bực nhơn-phẩm, mà có thể nào bền vững đặng.

Thí dụ như:

- Đứng vào hàng vua chúa, lòng chẳng khoan hòa, coi thần dân như cỏ rác, đấm mê tửu sắc, chẳng quản đến nước nhà, là vua vô đạo, ưa nịnh xa trung, không nghe theo lời đoan-chánh của tôi con, lại chịu những sự nịnh hùa của tà-mị, tức nhiên phải ngửa nghiêng xã tắc, hư hại giang-san, rớt rời lời cuốn những điều tàn, mà gây cho đoàn con dân phải chịu bần than khổ sở.

- Làm quan, trên chẳng trọn lòng thờ chúa, dưới chẳng hết dạ thương dân, đua mị theo lũ nịnh tà, hầu lấy quyền to hiếp chúng. Đã chẳng lo đền ơn chúa, lại không thái độ trị dân, kiếm chước thâu đoạt của người, lần lần rồi gây cho con dân thán oán, mà làm loạn cho nước: Ấy là tham quan ô lại, tất là vô đạo.

- Dân vô đạo, thì chẳng biết đến quốc-vương thủy thổ, không kiêng sợ luật nước nhà, mà hóa sanh ra điều trộm cướp, tàn nhẫn hại nhau, nhiễu loạn cả sanh linh, lần lần hiệp nhau cho có sức, gầy vương đồ bá, cướp giựt ngôi vua mà sanh rối cho nước.

- Vợ chồng ở với nhau vô đạo, chồng thì tửu điếm trà đình, ưa theo phóng đãng, chẳng quản đến tình nhà, bỏ vợ bỏ con đôi rách, việc hư nên của gia-đình không thấu đáo, chẳng diu vợ, dạy con, theo đường ngay nẻo thẳng, thiếu đức kém hạnh. Vì nơi vô đạo ấy, mà buộc vợ phải gây thêm rối, không biết nề chồng, lần lần sanh ra cờ bạc, bỏ luống bốn phận đòn bà là tề gia nội trợ, chẳng còn giữ tiết trinh, hết tương đến phận nưng khăn sửa táp. Rớt rời, phải hư-hoại gia đình, cũng là đều vô đạo.

- Phận làm con, chẳng kính thờ cha mẹ, quên ơn dưỡng-dục, bỏ nghĩa sanh-thành, lời dạy-dỗ chẳng nghe, quen theo đoàn du đãng, khi thị cô bác, không tưởng đến cậu dì, làm cho hư hoại tông môn, ấy là con ngỗ-nghịch, tức là trái đạo làm con.

- Anh em ở với nhau vô đạo, là chẳng tưởng tình máu thịt, lớn không đù nhỏ; nhỏ nghịch với lớn, chẳng biết thương nhau, lần hồi mất niềm huynh-đệ, sanh việc loạn dâm, anh chồng em dâu, hóa ra thù nghịch, mà chém giết nhau, làm cho nhục-nhã tổ tiên, vậy là vô đạo.

- Chủ ở với tớ vô đạo, là chẳng giữ phận bề trên, tham công tiếc việc, không xét cực nhọc của tớ, làm cho tớ chẳng phục lòng, mà hóa ra những điều ngoan ngạnh với chủ, thì chẳng khác nào ép cho tớ làm trái phận sự. Ít lâu rồi tớ không vâng mạng chủ, ấy mới gọi là tớ phản tâm, mà mang chữ tớ vô đạo.

Đó là em luận sơ điều vô đạo của người, mà làm ra hư hoại cho cả nước, cả dân. Tuy là về Nhân-Đạo, ai cũng cho là thế tình đời, nhưng cũng có ảnh-hưởng hiệp về Thiên-Đạo. Nên phận làm người muốn cho tròn, phải biết mượn Đòi giời Đạo, lấy Đạo đìu Đòi, cả hai nương nhau mà đi cho có cặp mới đặng.

Bởi cơ cho nên, buổi ban sơ của Trời Đất có rồi, thì hóa sanh các vật trước, chừng sanh ra loài người, thì Đấng Tạo-Đoan phải khai Đạo, mà đìu-dẫn cả nhơn vật, tức là con cái của Ngài cả thảy.

Khi mang lột phàm vào rồi, thì chẳng khác nào kẻ mù tối. Lớn khôn lên, vừa đủ trí-hóa, trước mắt duy có thấy điều tranh danh đoạt lợi, vật quý phẩm cao, rất phù hạp với thường tình, áp nhau

giành-giựt cho đến giết lẫn nhau, đành quên phứt cái nhơn-phẩm của mình, một chủ khách, đến đây đặng bồi đáp sự trả vay cho nhau. Rốt cái đời của người, thế cũng chẳng quá trăm năm, nào khác giấc chiêm bao, nghèo cũng thế mà sang cũng thế! Buổi chung qui, cứ nắm hai tay không, cao đường bao, thấp cũng đường bao! Linh-hồn cứ đến Tòa phán xét, cân tội với phước mà định đoạt; hoặc phải chịu luân-hồi chuyển kiếp, hoặc hưởng sự an-nhàn vui vẻ thiêng-liêng. Té ra, cái giàu sang của ta, đã làm quấy nơi thế trần này mà có ra, chẳng hề theo mà chuộc tội cho ta! Lại còn đóng xác trơ trơ, dẫu cho ai gẫm cũng như ai, vùi nơi nấm đất, dầu tốt dầu không, lâu rồi cũng ra đám mồ hoang cỏ lạnh, nằm nơi đồng trống sương gieo, thỏ lặn ác tà, đồ ai tránh khỏi. Thế cũng chẳng nên giành giựt mà chi, rồi phải vay thêm cho vun đóng, lẫn kẻ nghèo hèn, phải ra thân đói lạnh, làm cho trái với Tạo-Hóa là một Đấng Từ-Bi, buổi này là cùng tận, mà hãy còn lo phương cứu thế.

Vì thương nhơn loại, nên từ xưa những nay, mỗi khi trong nước nào, vì sự hiếp lẫn nhau mà khởi loạn, thì chính mình Ngài đến mà khai Đạo, hoặc sai các Tiên-Phật thai phàm mà mở các Tôn-Giáo, hầu làm cho yên tịnh, nhưng cũng chưa hề thấy đặng sự hòa-bình cho sanh chúng giờ phút nào cả.

Ấy vậy, Đạo nghĩa là một con đường ngay thẳng (la Vérité) của Tạo-hóa khai ra cho các Chơn linh đã mang xác phàm này, noi theo sự chơn thật hiền lành mà thủ cái vai tuồng của ta, đã lãnh chịu trước mặt Ngài, mà đến trong cõi dinh hoàn này, làm xong phận sự rồi, buổi chung quy mới có thể noi theo

nấc thang cao hơn, cũng trong con đường ấy, mà hội diện với Ngài, nhưng cũng tùy theo việc làm nặng nhẹ, phải chăng nơi đây, mới sắp theo đẳng cấp: Phật, Tiên, Thánh, Thần mà thọ ban trong khi tới trước mặt Ngài mà phụng mạng. Ấy là tôn-chỉ các Đạo đã khai ra từ từ chung, đặng dìu dẫn sanh-linh.

Còn những trang đã lãnh mạng Trời đến đây, tuy cũng làm tròn phận sự, nhưng có gây ra những điều phải vay vay trả trả, chùng buổi lâm chung so tội phước mà định, rồi tùy đẳng cấp nơi trần này, mà luân-hồi trở lại, phước nhiều thì làm quan, làm giàu; ít phước thì lãnh bực thường nhân, phải chịu cay đắng, mà trả cho nhau cho đến lúc xong, rồi cũng phải tu tâm dưỡng tánh, mới trông thoát khỏi nơi vòng chuyển kiếp. Lại những kẻ đã đến đây, làm trái nhơn phẩm, thì còn nói chi. Buổi thác cũng đến Tòa phán xét mà chịu xử đoán, rốt rồi thì lộn trở xuống, mà chuyển ra cầm thú, hoặc phải mất cả chơn-linh, mà biến sanh ra côn trùng, thảo mộc rồi ra công tu luyện ngàn năm, may mà đắc quả, mới trông lên tới bậc người. Là việc công bình của Trời Đất đã phân định, ấy mới rõ Tạo-hóa là một Đấng cầm cân thiêng-liêng.

Cho nên, em nói rằng: Đạo vẫn thiết nhiệm màu cao xa khó giải là vậy đó.

Chồng: - Tuy là em nói vậy, chớ qua chẳng hề tin chút nào, vì là điều không thấy hiển nhiên, bây giờ sống ở nơi đây, ăn theo đây, làm theo đây, biết kịp người hay chưa, hướng chỉ phải tính việc cao xa, đều là hư thiết không ắt, mà qua vẫn thấy họ bày điều mộng mị như: Các Đạo đều thờ hình ảnh Phật,

Tiên, Thánh, hay là viết chữ. Còn Đạo Cao-Đài, sao lại thờ có một con mắt là ý chi vậy?

Vợ: - Anh hỏi thì em nói ngay, nhưng sự biết của em rất hẹp hòi, vì nghe mấy ông Thuyết Đạo, bốn Đạo đến nghe thì đông, làm cho em phận gái, duy có đứng xa xa phía ngoài, nghe lóm mà thôi, vậy để em luận sơ cho anh nghe:

Con mắt ấy, là của Đấng Tạo-Hóa, nên gọi là Thiên-Nhãn. Vì Ngài không có hình ảnh chi đến tại thế cho ta thấy; nên phải tựa con mắt ra mà thờ, ảnh hưởng chỉ về: Ngài là Đấng Chúa cả Càn-Khôn thế giới, tức là mắt Ngài soi khắp mọi nơi, nên thế tình hằng ví câu: "Hoàng-thiên hữu nhãn", nghĩa là Trời có mắt là vậy đó! Nếu ta muốn thờ Ngài, mà ta vẫn chẳng biết tướng diện của Ngài ra thế nào, thì không lẽ ta tượng hình ra là Annam, Tây, Cao-mên, hay là theo một sắc dân nào khác nơi thế này, thì sao cho nhằm lý?

Em nhớ mấy câu Thánh-Ngôn của Đức Cao-Đài Thượng-Đế chỉ phán về Thiên-Nhãn, cho các Môn-đệ Ngài trong buổi Đại-Đạo Tam-Kỳ mới khai như vậy:

*Nhãn thị chủ tâm,
Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị thân,
Thần thị Thiên,
Thiên giả ngã giả.*

Mấy câu Thánh-Ngôn này nghĩa lý rất sâu xa, sức phạm khó giải, cho thấu cái rộng minh-mông của câu văn, nhưng theo phận của em, thiếu học lại trí-thức ít ỏi, nên luận sơ như vậy:

- Thiên-Nhãn nghĩa là mắt Trời.

- Mà mắt Trời lại thông đồng với Mắt của mình, cũng nên gọi là "Thần Lương-Tâm" (Conscience).

Nên mỗi việc chi mình muốn thi-hành, tất nhiên trước hết mình phải gọi Thần Lương-Tâm mà cậy nủ, chỉ giáo điều hư thiệt, tà chánh thế nào, rồi mình mới định: làm hay bỏ. Thoảng có điều chi, mình gọi là không tốt, không hợp với thế tình đời, không đoan chánh, thì mình còn dự dự, chưa dám thi-hành, là vì mình tính: Nếu làm cho ra cái hình, theo trí của mình độ, thì sợ e mắt mình xem không hợp. Mà hễ mắt mình xem không hợp, thì lại làm cho tâm tánh mình áy-náy: Đó là bị Thần Lương-Tâm cản trở rầy la. Hễ Thần Lương-Tâm quở trách, tất nhiên là Trời quở vậy.

Ấy vậy, mọi việc chi của ta đã tính nơi Tâm ta, dầu hư dầu thiệt, thì Thần Lương-Tâm đều hiểu hết, mà chỉ-dẫn cho ta rõ điều tà, lẽ chánh. Nếu Thần Lương-Tâm hiểu, thì tất nhiên Đấng Tạo-Hóa đã rõ biết hết. Nên chi, Tâm mình lay động thì Ngài đã thấu rồi. Bởi có, nên phận làm người phải biết rằng, mọi việc chi của ta làm lén-lút một mình, dầu lớn dầu nhỏ cũng vậy, là duy có giấu-giếm với kẻ có xác thịt như ta mà thôi, chớ chẳng hề khi nào khuất mắt Trời và các Đấng Thiêng-Liêng cho đặng. Nếu Tạo-Hóa riêng để cho ta giấu đặng Ngài, thì còn có chi gọi là màu nhiệm của Trời Đất. Vì vậy, mà có câu: "Thiên-giả ngã giả", chỉ là: Hễ ta thấy, thì tất nhiên Trời cũng thấy vậy, có thể thông-đồng với nhau.

Thí dụ: Theo trí ngu xuẩn của em tưởng như:

Một đứa ăn trộm kia, khi đã để ý, có một nhà nào để cho nó đột nhập, thì trước hết, nó gạn hỏi Thần Lương-Tâm coi có thể lấy của người đặng chăng? Ấy là điều tà vậy, thì thế nào Thần Lương-Tâm cũng nói với nó rằng: Không đặng! Lại giải cho nó biết: Nếu nó khoét vách, họ hay đặng la lên, ắt có kẻ đến bắt nó. Nghe đến đó, nó hết hồn, rồi dự-dự, tính tới tính lui. Trong lúc dùn thẳng ấy làm cho nó bối rối. Lại nếu sự ham muốn quá lẽ của nó có hơi sấn-sước thì Thần Lương-Tâm vẽ cái cảnh trạng sẽ tới cho nó, hoặc bị ở tù, người hành-hà thân nó, làm cho nó bỏ vợ con nó đói khát, chừng ấy nó hoảng-hốt mà xuất hạn. Ấy là, Đấng Tạo-Hóa rầy quở nó. Cũng có khi nó vưng theo lời Thần Lương-Tâm mà bỏ qua, không làm việc sai ấy.

Còn nếu nó tính sước mà làm, là bởi tánh-chất tà vậy, tuy Thần Lương-Tâm chỉ dẫn cho nó biết là sai, mà vì nó muốn quá rồi làm bậy, chớ vẫn trong lòng sợ-sệt luôn, vì bị rầy hoài cho đến cùng. Tưởng như khi nó đương hành-tàng việc sai ấy, thì Thần Lương-Tâm hằng nhắc chừng từ cái quấy của nó đương hành-động, làm cho nó hồi-hộp, cho đến khi nó đem đồ gian ấy về dọc đường, gặp người, hoặc thoạt nghe nhánh cây rớt, thì cũng làm cho nó giật mình mà hoảng-hốt. Lúc bán đồ thì cũng vậy, thậm-chí cho đến nó thấy món nào, là đồ nó trộm của người còn trước mắt nó, chẳng khác chi nó còn bày đồ gian trước mắt Thần-Lương-Tâm, thì nó cũng bị quở mà búc-rút hoài!

Ấy vậy, mọi việc chi trong thế-gian này, đều có ảnh-hưởng theo đó cả, chẳng kể là việc nhỏ hay

lớn. Đây là một điều ứng chứng của mỗi người hằng thấy. Việc nào của ta làm phải, thì Thần Lương-Tâm khen, mà làm cho ta vui lòng hơn-hở; còn điều chi của ta làm sai, Thần Lương-Tâm quở rầy, lại làm cho trong lòng ta xốn-xang là như thế.

Trong Đại-Đạo Tam-Kỳ thờ "Thiên-Nhãn" là chủ ý đó; mà cũng nơi đó là nguồn cội của "Đạo" tất là một điều huyền-bí sâu-xa, để cho bậc Nhơn-phàm kiếm hiểu mỗi tứ riêng, tùy theo sự học thức cao thấp, hầu răn lấy mình mà giữ cho trọn phận. Huống chi, trước Chúa Giáng-Sanh, miền Âu-Châu cũng có thờ con Mắt, gọi là "L'oeil du Maitre", lại có những sách vở của nhiều bậc Hiền-Triết xưa luận về Thiên-Nhãn, còn để lại ràng-ràng, mà anh không để ý tìm biết.

CHUNG